

LỜI NÓI ĐẦU

Ngày nay, khi nói đến hoạt động sản xuất kinh doanh thì vấn đề hiệu quả kinh tế luôn được các doanh nghiệp quan tâm và chú trọng. Đây là sự so sánh toàn bộ chi phí bỏ ra và kết quả thu lại được. Muốn làm được điều này đòi hỏi mỗi chúng ta phải có tri thức trong hoạt động sản xuất và quản lý.

Tiêu thụ hàng hóa là khâu cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh, nó có vị trí đặc biệt quan trọng đối với doanh nghiệp, nó góp phần to lớn đến sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp. Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, khâu tiêu thụ hàng hóa của quá trình sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp gắn liền với thị trường, luôn luôn vận động và phát triển theo sự biến động phức tạp của các doanh nghiệp.

Chính vì vậy, công tác tiêu thụ hàng hóa luôn luôn được nghiên cứu, bổ sung để được hoàn thiện hơn cả về lý luận lẫn thực tiễn, nhằm mục đích không ngừng nâng cao hiệu quả kinh doanh, hiệu năng quản lý.

Trong những năm gần đây, từ khi thực hiện chính sách mở cửa Việt Nam đã thiết lập được nhiều mối quan hệ hợp tác thương mại với nhiều nước trên thế giới. Vì vậy, hàng hóa của các nước cũng được nhập khẩu vào Việt Nam với khối lượng khá lớn nên công tác tiêu thụ hàng hóa càng cần được hoàn thiện hơn. Để tồn tại và phát triển trên thị trường, ngoài việc cung cấp cho thị trường một khối lượng sản phẩm nhất định với chất lượng cao, chủng loại mẫu mã phù hợp, các doanh nghiệp cần phải thực hiện tốt công tác hạch toán tiêu thụ hàng hóa.

Xây dựng tổ chức công tác hạch toán kế toán khoa học hợp lý là một trong những cơ sở cung cấp thông tin quan trọng nhất cho việc ra quyết định chỉ đạo, điều hành kinh doanh có hiệu quả. Công tác kế toán nói chung, hạch toán tiêu thụ hàng hóa nói riêng ở các doanh nghiệp đã được hoàn thiện dần song mới chỉ đáp ứng được yêu cầu quản lý ở các doanh nghiệp với mức hạn chế. Bởi vậy, bổ sung và hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung, hạch toán tiêu thụ hàng

hóa nói riêng luôn là mục tiêu hàng đầu của các doanh nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác hạch toán tiêu thụ hàng hóa và qua thời gian tìm hiểu thực tế về công tác hạch toán kế toán tại công ty trách nhiệm hữu hạn Tiến Đại, cùng với những kiến thức đã được học ở trường và sự hiểu biết về nghiệp vụ kế toán nên em chọn đề tài: “ **Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tiến Đại**”.

Mặc dù đã cố gắng tìm hiểu và nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của ban Giám đốc, các cán bộ nhân viên trong công ty đặc biệt phòng kế toán cùng với sự chỉ bảo của thầy giáo- Tiến sĩ Lưu Đức Tuyên, em đã nắm bắt được phần nào tình hình thực tế công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tiến Đại. Tuy nhiên, do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận thực tế còn hạn chế nên bài luận văn của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của thầy cô giáo, các bạn để bài luận văn của em được hoàn thiện hơn.

Nội dung chính của chuyên đề gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tiến Đại.

Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong công ty TNHH Tiến Đại.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Phan Thị Chi

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1 Sự cần thiết phải hạch toán doanh thu bán hàng và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1 Vị trí, ý nghĩa của việc hạch toán doanh thu

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết, doanh thu là nguồn tài chính quan trọng đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng. Doanh thu còn là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện nghĩa vụ với nhà nước như nộp các khoản thuế theo qui định, là nguồn có thể tham gia vốn góp cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác. Trường hợp doanh thu không đảm bảo các khoản chi phí đã bỏ ra doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về tài chính. Nếu tình trạng này kéo dài sẽ làm cho doanh nghiệp không đủ sức cạnh tranh trên thị trường và tất yếu dẫn đến phá sản.

Ý nghĩa quan trọng nhất của doanh thu được thể hiện thông qua tiêu thụ. Tiêu thụ nhằm thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng của xã hội cũng như sự tồn tại của doanh nghiệp. Chỉ có thông qua tiêu thụ thì tính hữu ích của hàng hóa mới được thực hiện, mới xác định về giá trị và thỏa mãn nhu cầu của người tiêu dùng.

Đồng thời, tiêu thụ cũng là công tác xã hội, chính trị, nó biểu hiện quan hệ giữa hàng và tiền, giữa người mua và người bán. Việc thúc đẩy tiêu thụ hàng hóa ở doanh nghiệp là cơ sở, điều kiện, tiền đề để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ hàng hóa ở các đơn vị kinh tế khác trong nền kinh tế quốc dân.

Tiêu thụ, nếu xét trên phạm vi toàn xã hội là điều kiện để tiến hành tái sản xuất xã hội. Đảm bảo tiêu thụ là đảm bảo duy trì sự liên tục của hoạt động kinh tế, đảm bảo mối liên hệ mật thiết giữa các khâu trong quá trình tái sản xuất.

Ngoài ra, tiêu thụ còn góp phần điều hòa giữa sản xuất và tiêu dùng, giữa khả năng và nhu cầu, . . . là điều kiện đảm bảo sự phát triển cân đối trong từng ngành, từng khu vực cũng như trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Tiêu thụ là vấn đề quan tâm hơn cả trong nền kinh tế thị trường và ngày càng trở nên quan trọng khi kinh tế thị trường phát triển ở giai đoạn cao. Trong điều kiện kinh tế cơ chế mở, hàng hóa tung ra như hiện nay, doanh nghiệp nào tạo được uy tín với khách hàng, doanh nghiệp đó sẽ bán được hàng và bán với số lượng lớn, sẽ tiếp tục tồn tại và phát triển. Ngược lại, doanh nghiệp sẽ có nguy cơ đi đến phá sản, thất bại trong kinh doanh. Một doanh nghiệp được coi là kinh doanh có hiệu quả khi và chỉ khi toàn bộ chi phí bỏ ra trong quá trình sản xuất, kinh doanh đều được bù đắp bằng doanh thu và có lợi nhuận. Từ đó doanh nghiệp có điều kiện để mở rộng kinh doanh, tăng doanh thu, mở rộng thị trường kinh doanh, mở rộng thị trường kinh doanh củng cố và khẳng định vị trí của doanh nghiệp trên thương trường, đứng vững và phát triển mạnh trong điều kiện cạnh tranh như ngày nay.

1.1.2 Ý nghĩa, vai trò của việc hạch toán xác định kết quả kinh doanh

Trong nền kinh tế thị trường mục tiêu cuối cùng là đạt được lợi nhuận tối đa. Đó chính là kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp sau một thời kì nhất định, được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Kế toán xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói chung trong việc xác định lượng hàng hoá tiêu thụ thực tế và chi phí tiêu thụ thực tế phát sinh trong kỳ nói riêng của mình trong kỳ, biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp từ đó doanh nghiệp sẽ đưa ra chiến lược sản xuất kinh doanh cụ thể trong các chu kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo. Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối kết quả kinh doanh cho từng bộ phận của doanh nghiệp. Do đó, đòi hỏi kế toán trong doanh nghiệp phải xác định và phân

ánh một cách đúng đắn kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình.

1.2 Các yêu cầu quản lý doanh thu và xác định kết quả kinh doanh

1.2.1 Nội dung yêu cầu quản lý

- Nắm chắc sự vận động của từng nhóm, loại hàng hóa trong quá trình xuất, nhập, tồn kho trên các chỉ tiêu số lượng, chất lượng và giá trị, theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch bán ra ở từng cửa hàng, bộ phận kinh doanh xuất phát từ nguyên tắc nhà quản lý phải biết kinh doanh mặt hàng nào có hiệu quả và có triển vọng nhất. Việc quản lý chủ yếu kết thúc khi người sở hữu hàng hóa được chuyển giao và doanh nghiệp có doanh thu bán hàng.

- Nắm bắt, theo dõi chặt chẽ việc thực hiện biểu giá cả hợp lý cho từng loại sản phẩm hàng hóa, từng phương thức bán hàng, từng địa điểm kinh doanh. Có làm tốt việc quản lý giá sẽ giúp hàng hóa của doanh nghiệp thích ứng được thị trường, tiêu thụ hàng hóa được nhiều, đáp ứng được nhu cầu và thị yếu của người tiêu dùng.

- Quản lý, đơn đốc thu hồi nhanh và đầy đủ tiền bán hàng cụ thể là kiểm tra số tiền thu được sau khi tiêu thụ được hàng chuyển về doanh nghiệp dưới hình thức nào, số lượng bao nhiêu, chiều hướng phát sinh các khoản nợ khó đòi như thế nào...kể từ khi doanh nghiệp ký kết hợp đồng cho đến khi doanh nghiệp thực sự thu được tiền và các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ như chiết khấu, giảm giá, hàng bán bị trả lại, nhận trước tiền hàng. Sau khi quá trình tiêu thụ kết thúc cần phải quản lý việc xác định kết quả kinh doanh, đảm bảo tính đúng, tính đủ kết quả kinh doanh đã đạt được và thực hiện nghiêm túc cơ chế phân chia lợi nhuận (nếu có), thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước.

1.2.2 Nhiệm vụ của kế toán trong quản lý doanh thu bán hàng và xác định kết quả kinh doanh

Để thực hiện tốt vai trò nói trên, kế toán tiêu thụ hàng hóa và xác định kết quả tiêu thụ có những nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng, chủng loại và giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ kịp thời và chính xác các khoản phải thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng. Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

1.3 Quy trình thực hiện tiêu thụ hàng hóa và các phương thức bán hàng, các phương thức thanh toán.

1.3.1 Quy trình thực hiện tiêu thụ hàng hóa

Tiêu thụ hàng hóa là quá trình trao đổi để thực hiện giá trị của hàng hóa, tức là chuyển hóa vốn của doanh nghiệp từ trạng thái của vật chất tiền tệ và hình thành kết quả bán hàng, trong đó doanh nghiệp giao hàng cho khách hàng và khách hàng trả tiền cho doanh nghiệp theo giá thỏa thuận. Thông qua quá trình tiêu thụ, nhu cầu của người sử dụng một phần nào đó được thỏa mãn và giá trị của hàng hóa đó được thực hiện

Quá trình tiêu thụ hàng hóa được chia làm hai giai đoạn:

- Giai đoạn thứ nhất: Đơn vị xuất giao hàng cho đơn vị mua thông qua hợp đồng kinh tế đã được ký. Đây là quá trình vận động của hàng hóa, hàng hóa vẫn thuộc quyền sở hữu của đơn vị xuất bán, nhưng chưa xác định được kết quả của việc bán hàng.

- Giai đoạn thứ hai: Khi khách hàng nhận được hàng theo đúng như trên hợp đồng kinh tế, khách hàng trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán. Đến đây quá trình bán hàng kết thúc, hàng hóa được coi là tiêu thụ và hình thành kết quả kinh

doanh.

Trên thực tế hai giai đoạn này rất ít khi diễn ra cùng vào một thời điểm mà thường tách rời nhau về cả không gian và thời gian.

Những đặc điểm của quá trình tiêu thụ:

- Có sự thỏa thuận giữa người mua và người bán về số lượng, chất lượng, chủng loại của hàng hóa trên cơ sở hợp đồng kinh tế.

- Có sự thay đổi quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hóa từ người bán sang người mua thông qua quá trình bán hàng.

- Người bán giao cho người mua một lượng hàng hóa và nhận được tiền hoặc được chấp nhận thanh toán. Khoản tiền này được coi là doanh thu bán hàng, được dùng để bù đắp các khoản chi phí đã bỏ ra trong quá trình sản xuất kinh doanh và hình thành nên kết quả của việc tiêu thụ hàng hóa trong kỳ của doanh nghiệp.

1.3.2 Các phương thức bán hàng

Phương thức bán hàng có ảnh hưởng trực tiếp đối với việc sử dụng các tài khoản kế toán phản ánh tình hình xuất kho thành phẩm, hàng hoá. Đồng thời có tính chất quyết định đối với việc xác định thời điểm bán hàng và hình thành doanh thu bán hàng và tiết kiệm chi phí bán hàng để tăng lợi nhuận. Hiện nay các doanh nghiệp đang vận dụng các phương thức bán hàng chủ yếu sau:

1.3.2.1 Kế toán bán hàng theo phương thức giao hàng trực tiếp

Tiêu thụ trực tiếp là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho (hoặc trực tiếp tại phân xưởng không qua kho) của doanh nghiệp. Hàng hóa khi bàn giao cho khách hàng được khách hàng trả tiền hay chấp nhận thanh toán, số hàng hóa này chính thức coi là tiêu thụ thì khi đó doanh nghiệp bán hàng mất quyền sở hữu về hàng hóa đó. Phương thức này gồm hình thức bán buôn và bán lẻ:

- *Bán buôn*: là quá trình bán hàng cho các đơn vị sản xuất, các đơn vị kinh

doanh thương mại để tiếp tục đưa vào quá trình sản xuất, gia công chế biến tạo ra sản phẩm mới hoặc tiếp tục được chuyển bán. Đặc trưng của của phương thức này là kết thúc nghiệp vụ bán hàng, hàng hóa vẫn nằm trong lĩnh vực lưu thông, chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng. Hàng bán theo phương thức này thường là khối lượng lớn và nhiều hình thức thanh toán. Do đó, muốn quản lý tốt thì phải lập chứng từ cho từng lần bán.

Khi thực hiện bán hàng, bên mua sẽ có người đến nhận hàng trực tiếp tại kho của doanh nghiệp. Khi người nhận đủ hàng và ký xác nhận trên chứng từ bán hàng thì số hàng đó không còn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nữa mà được coi là hàng đã bán. Khi bên mua trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì doanh nghiệp hạch toán vào doanh thu và doanh nghiệp phải thực hiện nghĩa vụ Nhà nước.

- *Bán lẻ*: Theo hình thức này bên bán trực tiếp cho người tiêu dùng, bán lẻ là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động của hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ. Đối tượng bán lẻ là mọi cá nhân trong và ngoài nước muốn có một giá trị sử dụng nào đó. Đặc trưng của phương thức này là kết thúc nghiệp vụ bán hàng thì sản phẩm rời khỏi lĩnh vực lưu thông đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị sử dụng của sản phẩm đó được thực hiện. Hàng bán lẻ thường có khối lượng nhỏ và thanh toán ngay.

1.3.2.2 Phương thức bán hàng qua các đại lý(ký gửi)

Hàng hóa gửi đại lý bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp và chưa được coi là tiêu thụ. Doanh nghiệp chỉ được hạch toán vào doanh thu khi bên nhận đại lý thanh toán tiền hoặc chấp nhận thanh toán. Khi bán được hàng thì doanh nghiệp phải trả cho người nhận đại lý một khoản tiền gọi là hoa hồng. Khoản tiền này được coi như một phần chi phí bán hàng.

Các trường hợp hàng hóa gửi đi được coi là tiêu thụ :

+ Doanh nghiệp nhận được tiền do khách hàng trả

- + Khách hàng đã nhận được hàng và chấp nhận thanh toán
- + Khách hàng đã ứng trước số tiền mua hàng về số hàng sẽ chuyển đến
- + Số hàng gửi bán áp dụng phương thức thanh toán theo kế hoạch thông qua ngân hàng.

1.3.2.3 Phương thức bán hàng trả góp, trả chậm

Bán hàng theo phương thức này sẽ thu tiền nhiều lần, người mua thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền còn lại, người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi nhất định. Xét về bản chất, chỉ khi nào người mua thanh toán hết tiền hàng thì doanh nghiệp mới mất quyền sở hữu. Vì vậy, doanh nghiệp thu nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính phần lãi trả chậm tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác nhận.

1.3.3 Các phương thức thanh toán

- Thanh toán bằng tiền mặt
- Thanh toán bằng hình thức khác như: thanh toán qua ngân hàng, trao đổi hàng lấy hàng...

1.4 Các phương pháp xác định giá vốn hàng hóa tiêu thụ

- Đối với hàng hóa xuất kho phải thể hiện giá vốn thực tế. Hàng hóa xuất kho cũng có thể theo những giá thực tế khác nhau ở từng thời điểm trong kỳ hạch toán, nên việc hạch toán xác định giá trị thực tế hàng hóa xuất kho có thể áp dụng một trong các phương pháp chủ yếu sau:

- + Phương pháp bình quân gia quyền: Phương pháp này áp dụng trong các doanh nghiệp có tính ổn định về giá cả hàng nhập kho. Theo phương pháp này giá thực tế hàng xuất kho được tính theo công thức sau:

Giá thực tế hàng i xuất kho	=	Lượng thực tế hàng i xuất kho	x	Giá đơn vị bình quân của hàng i
-----------------------------	---	-------------------------------	---	---------------------------------

Giá đơn vị bình quân có thể được tính theo các cách sau:

- Giá đơn vị bình quân cả kỳ(bình quân gia quyền cả kỳ):

Giá đơn vị bình quân cả kỳ của hàng i	=	Giá thực tế hàng i tồn đầu kỳ	+	Giá thực tế hàng i nhập trong kỳ
		Lượng thực tế hàng i tồn đầu kỳ	+	Lượng thực tế hàng i nhập trong kỳ

Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ tính toán đơn giản, dễ làm nhưng độ chính xác không cao và chỉ tính được khi đã kết thúc kỳ hạch toán nên công việc dồn vào cuối kỳ.

- Giá bình quân sau mỗi lần nhập(bình quân gia quyền liên hoàn): Nghĩa là sau mỗi lần nhập kế toán phải tính lại giá đơn vị bình quân 1 lần:

Giá đơn vị bình quân sau lần nhập j	=	Giá thực tế hàng tồn kho sau lần nhập j
		Lượng thực tế hàng tồn kho sau lần nhập j

Phương pháp này có độ chính xác cao, vừa phản ánh được tình hình biến động của giá cả, vừa đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế toán nhưng tốn nhiều công sức vì phải tính toán nhiều .

+ Phương pháp nhập trước, xuất trước(FiFo): Theo phương pháp này, giá định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước. Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối hoặc gần cuối kỳ. Phương pháp này thường áp dụng trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm để tránh trường

hợp rủi ro.

+Phương pháp nhập sau, xuất trước(LiFo): Theo phương pháp này, giá định lượng hàng nhập sau cùng sẽ được xuất trước tiên, xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước. Giá thực tế của hàng nhập sau sẽ được dùng làm giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần đầu hoặc gần đầu kỳ. Phương pháp này áp dụng trong trường hợp lạm phát.

+ Phương pháp giá thực tế đích danh: Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất(trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại hàng nào thì tính theo giá thực tế của loại hàng đó. Phương pháp này thường áp dụng trong các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc các mặt hàng có tính tách biệt(dễ nhận diện), có điều kiện bảo quản riêng từng lô hàng nhập kho.

1.5 Kế toán tổng hợp quá trình bán hàng theo các phương pháp bán hàng

1.5.1. Các chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng
- Phiếu xuất kho
- Sổ phụ ngân hàng
- Phiếu thu tiền mặt...

1.5.2 Các tài khoản sử dụng:

📖 Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu là tổng giá trị lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần tăng vốn chủ sở hữu.

Tùy vào từng loại hình sản xuất kinh doanh có nhiều cách phân loại doanh thu:

▲ Nếu xét theo loại hình sản xuất kinh doanh, doanh thu gồm:

- + Doanh thu bán hàng
- + Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi tức được chia
- + Thu nhập khác

▲ Nếu xét theo thời gian, không gian, tính chất kinh tế, doanh thu gồm:

- + Doanh thu bán hàng ra ngoài
- + Doanh thu tiêu thụ nội bộ

▲ Nếu xét về thời điểm kết thúc tiêu thụ, doanh thu gồm:

- + Doanh thu bán hàng thu tiền ngay
- + Doanh thu bán hàng trả chậm, trả góp

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu, phí thu thêm ngoài giá bán(nếu có).

Việc xác định và ghi nhận doanh thu phải tuân thủ các quy định trong Chuẩn mực kế toán số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác” và các Chuẩn mực kế toán khác liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó.

- Chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm khi thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

✎ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

✎ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

✎ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

✎ Doanh thu đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

✎ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu về giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi đồng thời thoả mãn 4 điều kiện sau:

✎ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

✎ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó

✎ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán

✎ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán hàng được xác định trong một số trường hợp cụ thể là:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thu đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán(nếu có).

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỉ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần mà doanh nghiệp thực hiện được trong kỳ kế toán có thể thấp hơn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch

vụ, ghi nhận ban đầu do những nguyên nhân sau: Doanh nghiệp chiết khấu thương mại, giảm giá hàng đã bán cho khách hàng hoặc hàng đã bán bị trả lại (do không đảm bảo về quy cách phẩm chất, ghi nhận trong hợp đồng kinh tế) và doanh nghiệp phải nộp thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được tính trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế mà doanh nghiệp đã thực hiện trong kỳ kế toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với những sản phẩm, hàng hoá chịu thuế TTĐB, thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là doanh thu gồm cả thuế TTĐB và thuế xuất khẩu.

- Đối với doanh nghiệp ghi nhận bán hàng theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là số tiền hoa hồng được hưởng.

- Đối với những doanh nghiệp nhận gia công chế biến chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là số tiền gia công chế biến nhận được, không bao gồm giá trị vật tư hàng hoá nhận gia công chế biến.

- Trong trường hợp doanh nghiệp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là trả tiền ngay, lãi trả chậm, trả góp được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

- Đối với doanh thu cho thuê tài sản có nhận trước tiền thuê trong nhiều năm thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kì nhận trước tiền.

- Đối với những doanh nghiệp cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của Nhà

Nước được nhà nước trợ cấp, trợ giá thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là số tiền được nhà nước trợ cấp trợ giá.

- Trong trường hợp doanh nghiệp đã xuất hoá đơn và thu tiền bán hàng nhưng cuối kỳ chưa bàn giao cho khách hàng thì được ghi vào bên có tài khoản phải thu của khách hàng.

Không hạch toán vào tài khoản 511 các trường hợp sau:

+ Trị giá hàng hoá, vật tư, bán thành phẩm xuất giao cho bên ngoài gia công chế biến.

+ Trị giá sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ cung cấp giữa công ty, tổng công ty với các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

+ Trị giá sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ cung cấp cho nhau giữa tổng công ty với các đơn vị thành viên.

+ Trị giá sản phẩm, hàng hoá đang gửi bán, dịch vụ hoàn thành đã cung cấp cho khách hàng nhưng chưa xác định là đã bán.

+ Trị giá hàng gửi bán theo phương thức gửi bán đại lý, ký gửi(chưa được xác định là đã bán)

+ Doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác không được coi là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

+Tài khoản này gồm 5 tài khoản cấp 2:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5112: Doanh thu bán các sản phẩm
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản

+ TK 511 không có số dư cuối kỳ.

📖 Tài khoản 512: Doanh thu bán hàng nội bộ

+ Tài khoản này dùng phản ánh doanh thu của số hàng hóa, lao vụ, dịch vụ, sản phẩm tiêu thụ nội bộ giữa các xí nghiệp trực thuộc trong cùng một Tổng

công ty, tập đoàn...

+ Tài khoản này gồm 3 tài khoản cấp 2:

- TK 5121: Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5122: Doanh thu bán các sản phẩm
- TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

+ TK 512 số dư cuối kỳ

📖 Tài khoản 521: Chiết khấu thương mại

+ Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn và theo thoả thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại. (Đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng) nhằm mục đích khuyến khích người mua hàng.

+ TK 521 không có số dư cuối kỳ

📖 Tài khoản 531: Hàng bán bị trả lại

+ TK này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại quy cách....Giá trị của hàng bán bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng thực tế thực hiện trong kì kinh doanh để tính toán doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hoá đã bán ra trong kỳ báo cáo.

+ TK 531 không có số dư cuối kỳ.

📖 Tài khoản 532: Giảm giá hàng bán

+TK này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém chất lượng, mất

phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

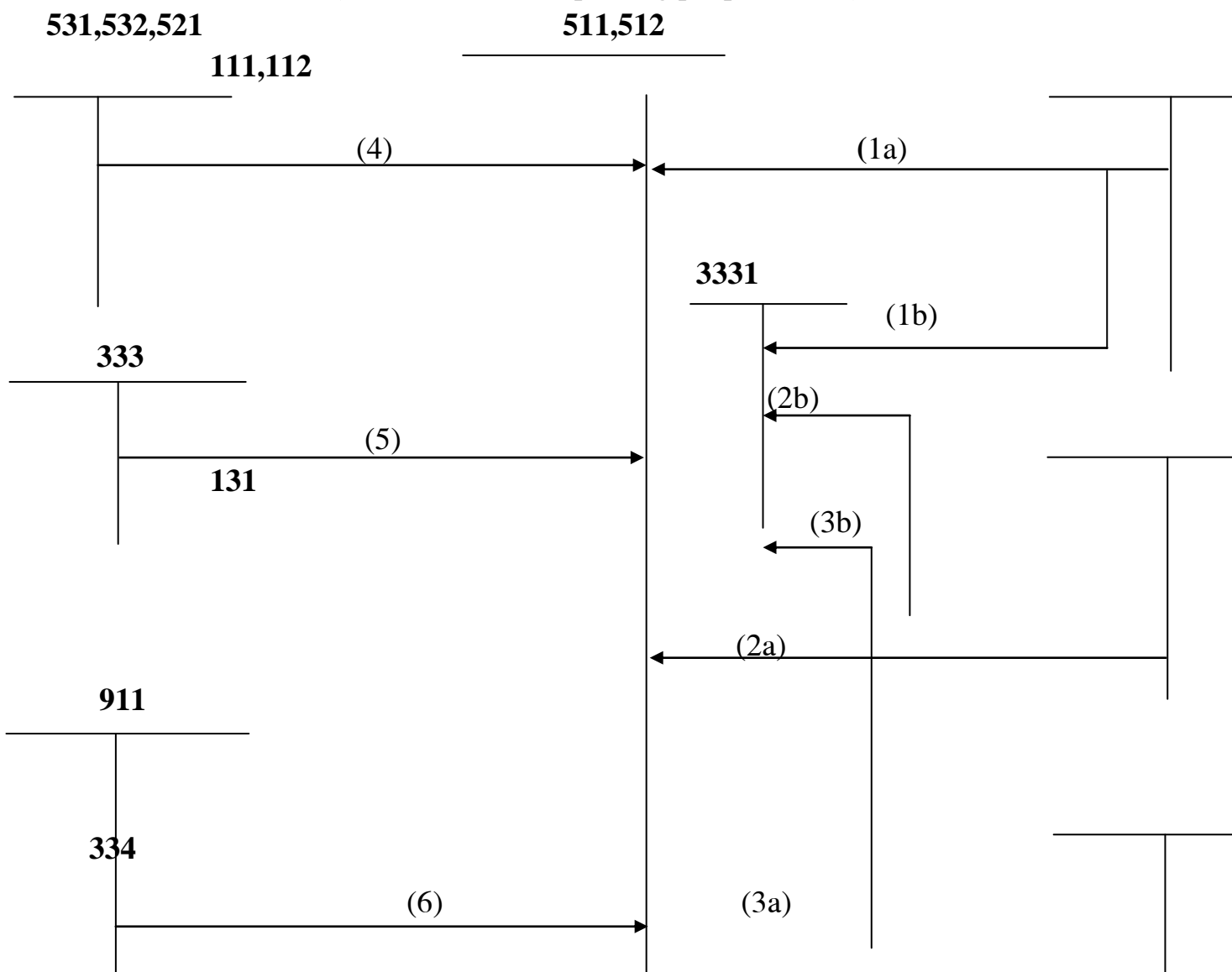
+ Chỉ phản ánh vào tài khoản này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hoá đơn(giảm giá ngoài hoá đơn) do hàng bán kém, mất phẩm chất.

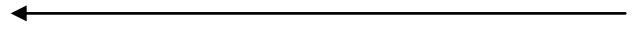
+TK 532 không có số dư cuối kỳ.

Ngoài ra, các khoản giảm trừ doanh thu còn có thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp

Sơ đồ 01: Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

(Thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

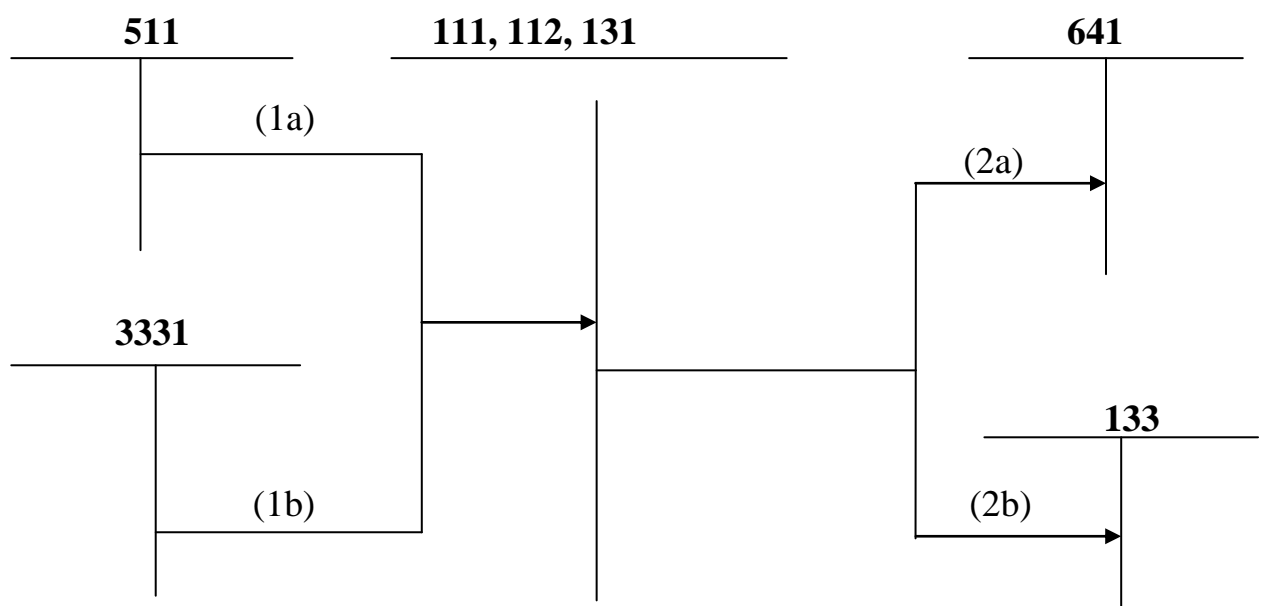




Ghi chú:

- (1a) Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm
- (1b) Thuế GTGT đầu ra do bán sản phẩm, hàng hóa
- (2a) Bán hàng theo phương thức đổi hàng
- (2b) Thuế GTGT đầu ra theo phương thức đổi hàng
- (3a) Trả lương bằng sản phẩm hàng hóa
- (3b) Thuế GTGT đầu ra của sản phẩm, hàng hóa dùng trả lương cho công nhân viên.
- (4) Cuối kỳ, kết chuyển giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ.
- (5) Thuế xuất khẩu, thuế TTĐB phải nộp vào ngân sách nhà nước, thuế GTGT phải nộp (đơn vị áp dụng theo phương pháp trực tiếp).
- (6) Cuối kỳ, kết chuyển doanh thu thuần

Sơ đồ 02: Doanh thu bán hàng theo phương thức gửi đại lý

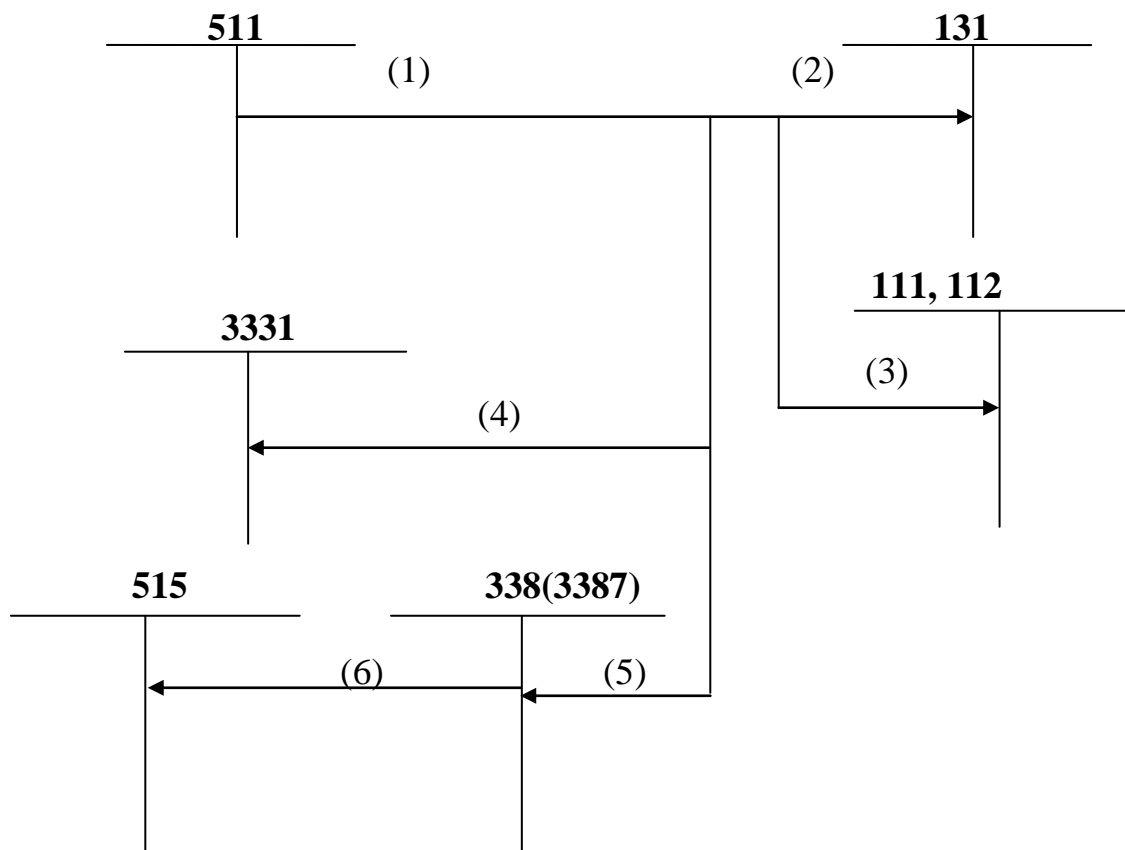


Ghi chú:

- (1a) Doanh thu bán đại lý

- (1b) Thuế GTGT đầu ra
- (2a) Hoa hồng phải trả cho bên nhận đại lý
- (2b) Thuế GTGT đầu vào

Sơ đồ 03 : Doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm(hoặc trả góp)



Ghi chú:

- (1) Doanh thu bán hàng (ghi theo giá bán trả tiền ngay)
- (2) Số tiền còn phải thu của khách hàng
- (3) Số tiền đã thu của khách hàng
- (4) Thuế GTGT đầu ra

- (5) Lãi trả góp hoặc lãi trả chậm phải thu khách hàng
- (6) Định kỳ kết chuyển doanh thu là tiền lãi phải thu từng kỳ

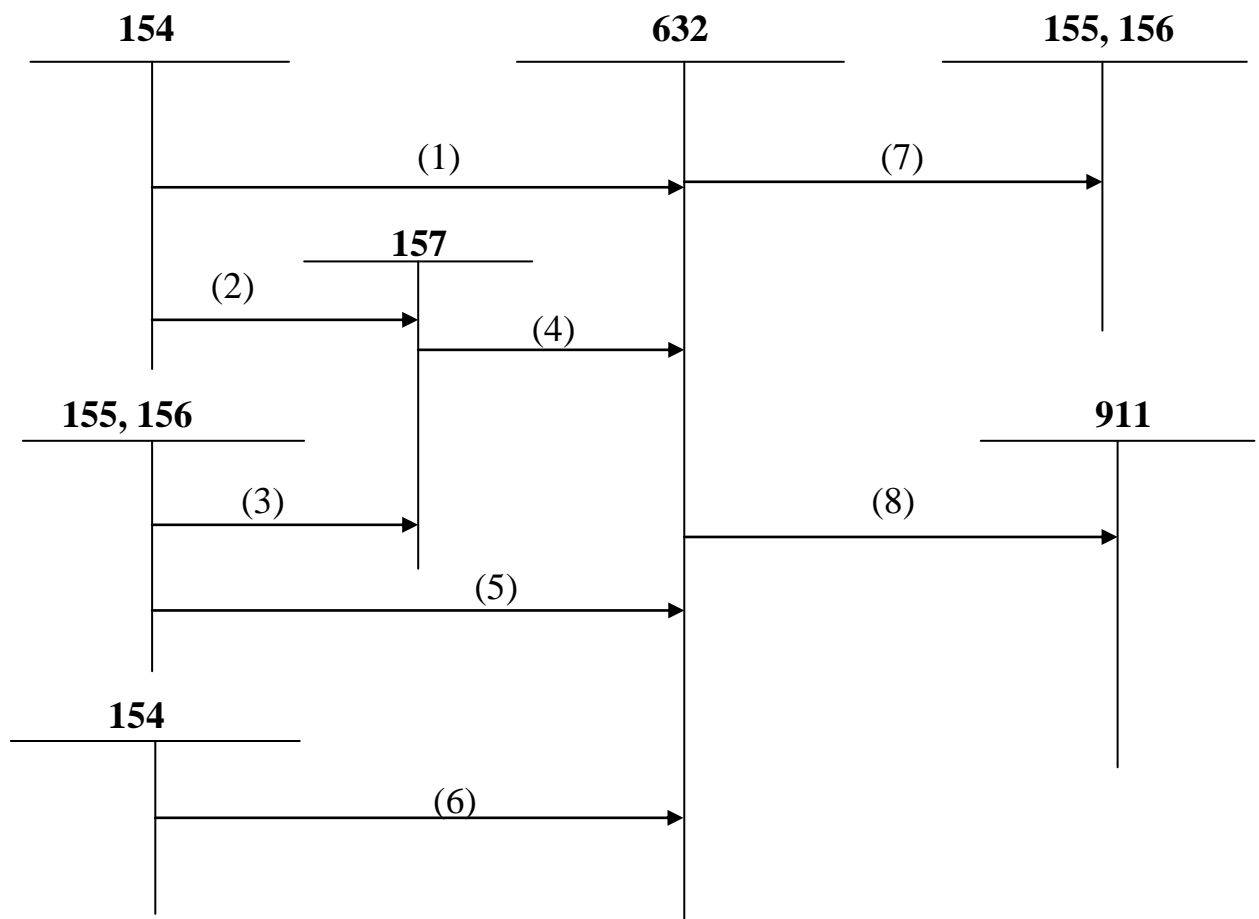
📖 Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán

+ Tài khoản sử dụng: TK 632- “Giá vốn hàng bán”

+Tài khoản này dùng để xác định giá vốn của hàng hóa, sản phẩm, lao vụ, dịch vụ bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp(đối với doanh nghiệp xây lắp) đã bán trong kỳ.Ngoài ra tài khoản này còn phản ánh cả chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư

+TK 632 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 04: Kế toán giá vốn bán hàng theo phương pháp kê khai thường xuyên



Ghi chú:

- (1) Thành phẩm sản xuất ra tiêu thụ ngay không qua nhập kho
- (2) Thành phẩm sản xuất ra gửi đi bán không qua nhập kho
- (3) Xuất hàng gửi đi bán
- (4) Giá vốn của hàng gửi đi bán
- (5) Xuất kho thành phẩm, hàng hoá bán trực tiếp
- (6) Cuối kỳ kết chuyển giá thành dịch vụ hoàn thành tiêu thụ trong kỳ
- (7) Thành phẩm, hàng hoá đã bán bị trả lại nhập kho
- (8) Cuối kỳ kết chuyển giá vốn hàng bán của thành phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ

1.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.6.1 Kế toán chi phí bán hàng

+ Tài khoản sử dụng: TK 641- “ Chi phí bán hàng”.

+Tài khoản này dùng để phản ánh những chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bảo quản và tiến hành hoạt động bán hàng như : chi phí chào hàng, chi phí bảo hành sản phẩm , hàng hóa...

+TK 641 gồm 7 tài khoản cấp 2:

- TK 6411: chi phí nhân viên
- TK 6412: chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413: chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414: chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415: chi phí bảo hành
- TK 6417; chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK6418: chi phí bằng tiền khác

+ TK 641 không có số dư cuối kỳ.

1.6.2 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

+Tài khoản sử dụng: TK 642-“ Chi phí quản lý doanh nghiệp”.

+TK này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên và các khoản trích theo lương, chi phí vật

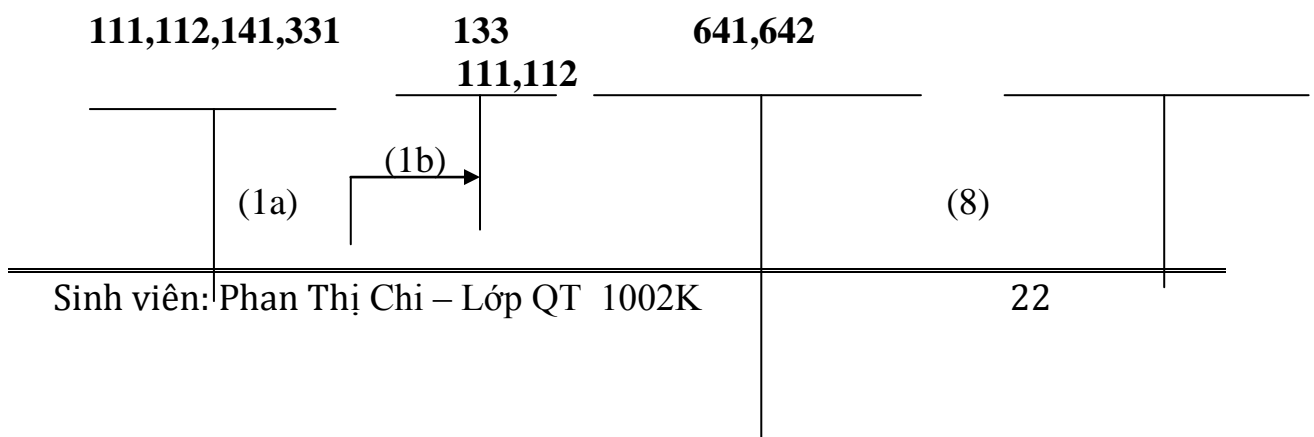
liệu văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp...

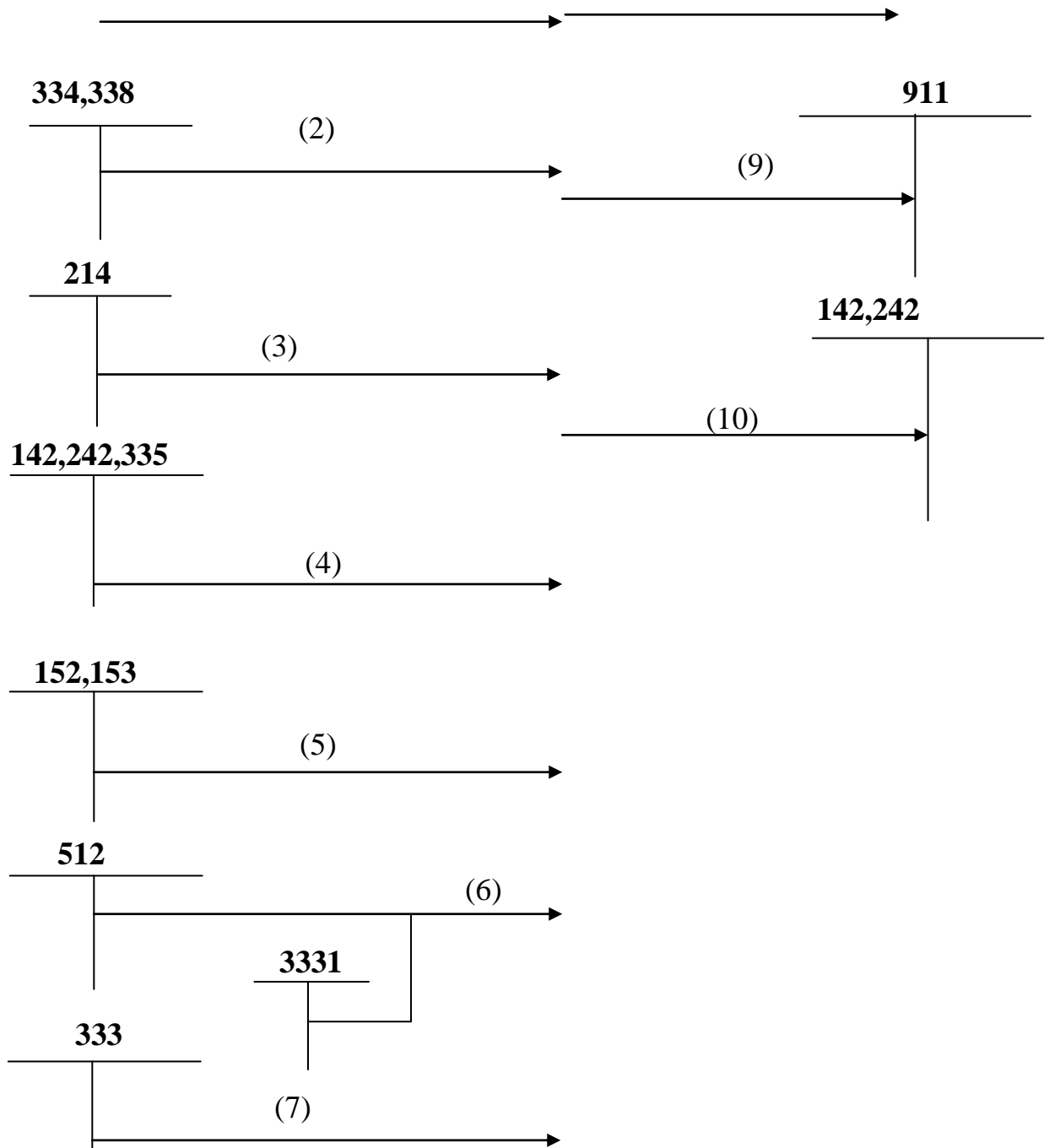
+ TK 642: gồm 8 tài khoản cấp 2

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK6425: Thuế, phí, lệ phí
- TK 6426: Chí phí dự phòng
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

+ TK 642 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 05: Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp





Ghi chú:

- (1a,1b): Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác
- (2): Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương
- (3): Chi phí khấu hao TSCĐ
- (4): Chi phí phân bổ dần, chi phí trích trước
- (5): Chi phí vật liệu, dụng cụ xuất dùng
- (6): Thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng nội bộ
- (7): Thuế môn bài, tiền thuê đất phải nộp vào NSNN

(8): Các khoản thu giảm chi

(9): Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng.

(10): Hoàn nhập các khoản chi phí trích trước

1.6.3 Kế toán chi phí hoạt động tài chính:

+Tài khoản sử dụng: TK 635-“ Chi phí tài chính” .

+Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn... Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ tỷ giá hối đoái...

+TK 635 không có số dư cuối kỳ.

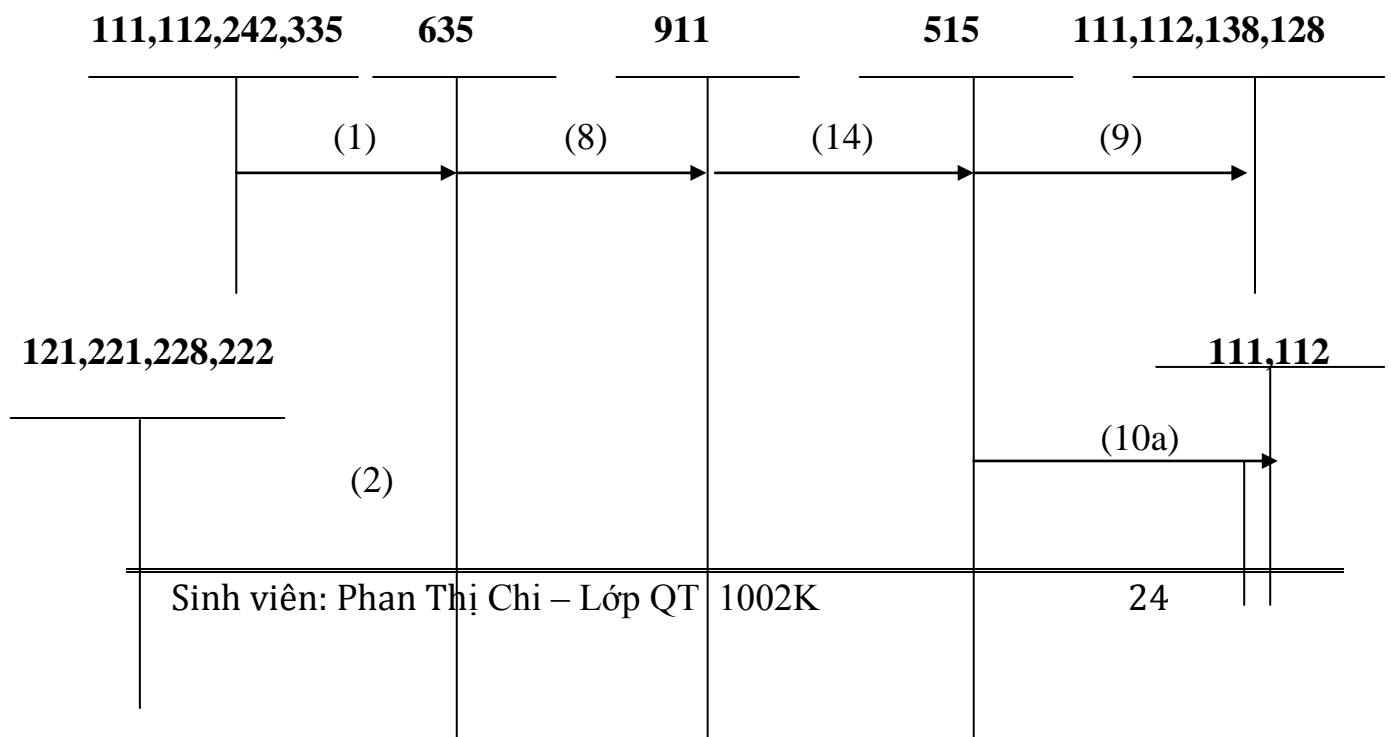
1.6.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

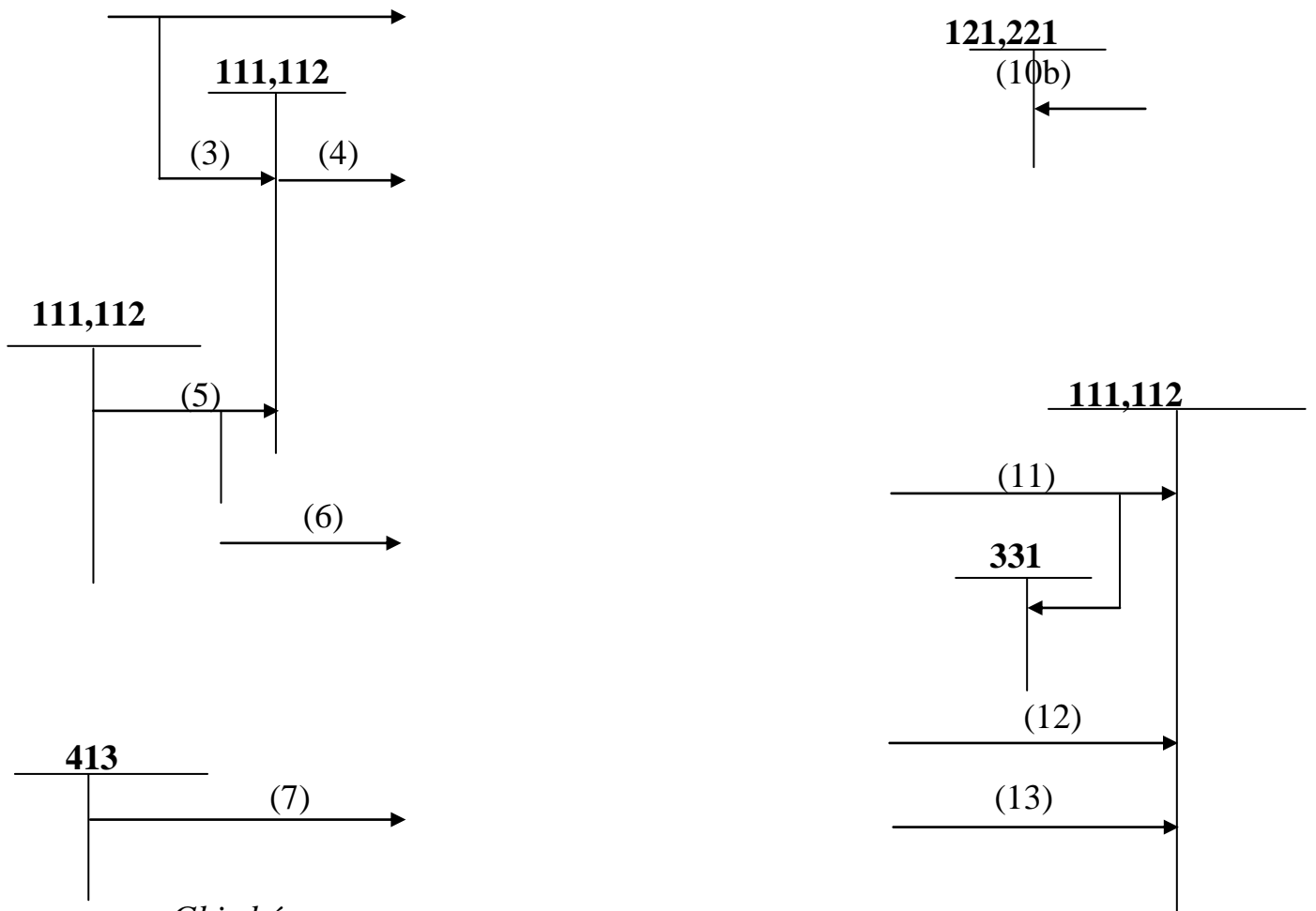
+Tài khoản sử dụng: TK 515-“ Doanh thu hoạt động tài chính”.

+TK này phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, tiền cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

+TK 515 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 06: Kế toán chi phí hoạt động tài chính và doanh thu hoạt động tài chính





Ghi chú:

- (1): Trả tiền vay, phân bổ lãi mua hàng trả chậm, trả góp
- (2): Lỗ về các khoản đầu tư
- (3): Tiền thu về bán các khoản đầu tư
- (4): Chi phí hoạt động liên doanh, liên kết.
- (5): Bán ngoại tệ
- (6): Lỗ về bán ngoại tệ
- (7): Kết chuyển lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ cuối kỳ
- (8): Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính
- (9): Các khoản thu nhập được chia từ hoạt động liên doanh. Định kỳ thu lãi tín phiếu, trái phiếu, cổ tức được hưởng.
- (10a): Tiền lãi khi thanh toán chuyển nhượng, đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

(10b): Giá gốc của chứng khoán

(11): Thu nhập về cho thuê TSCĐ hoạt động, thuê TSCĐ tài chính, bán bất động sản.

(12): Chiết khấu thanh toán khi mua hàng

(13) : Tiền lãi cho vay

(14): Kết chuyển các khoản thu nhập hoạt động tài chính.

1.6.5 Kế toán chi phí khác

+Tài khoản sử dụng: TK 811 –“Chi phí khác”

+Tài khoản này phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động SXKD tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Chi phí khác là những khoản chi phí(lỗ) do các sự kiện hay nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra. Cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

+TK 811 này không có số dư cuối kỳ

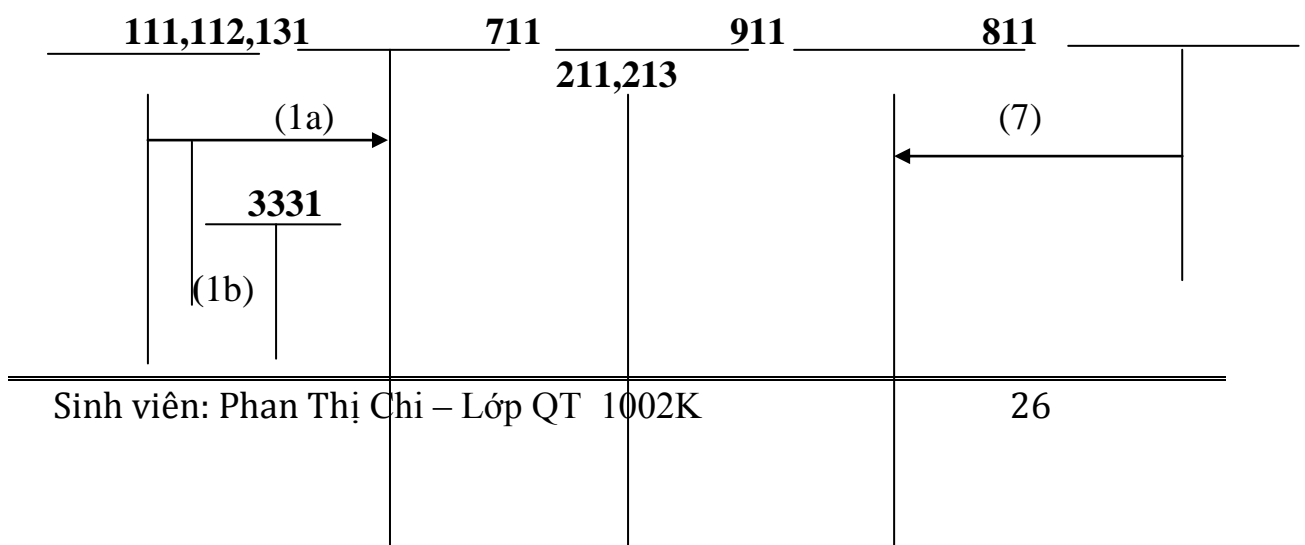
1.6.6 Kế toán thu nhập khác

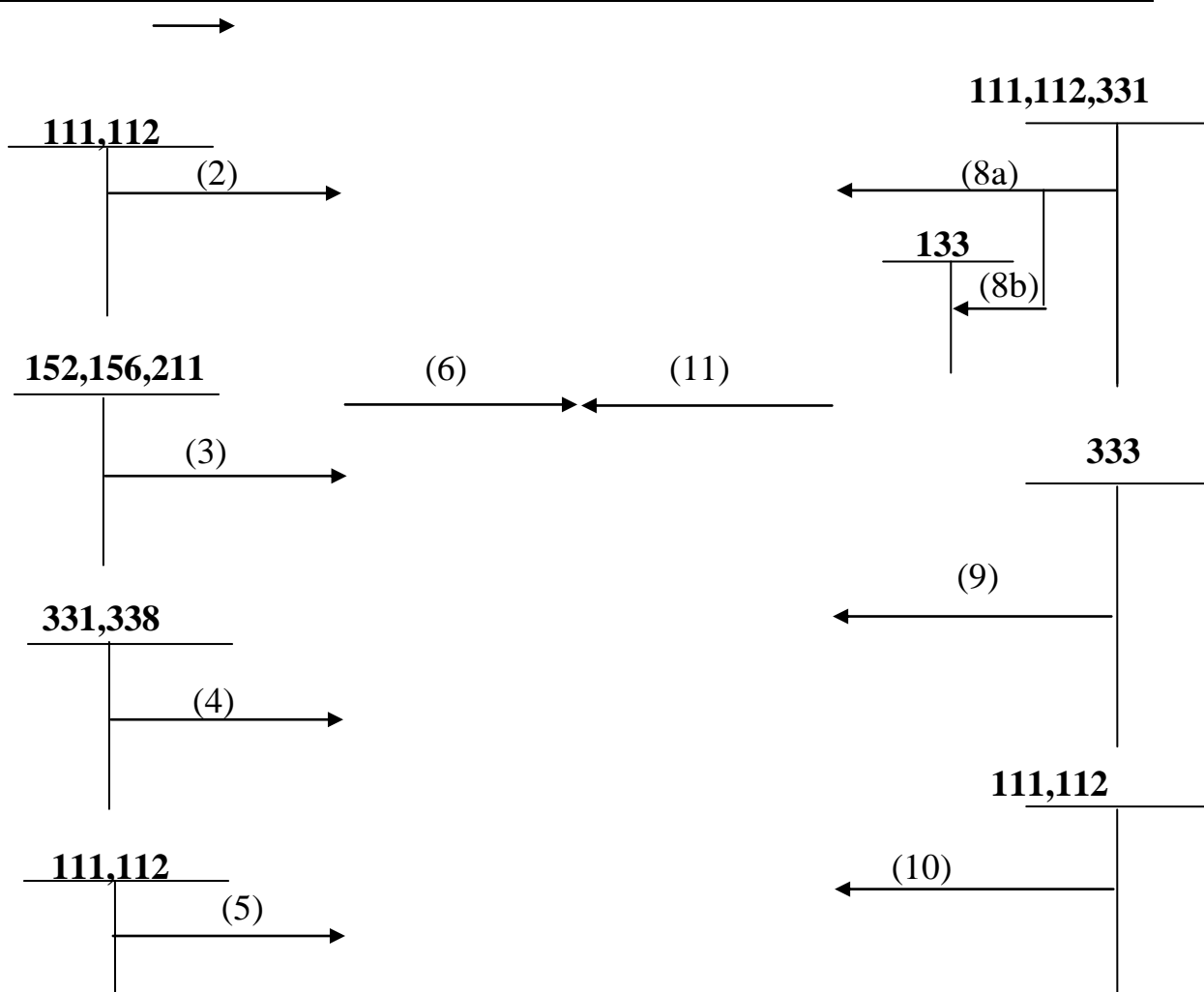
+Tài khoản sử dụng: TK 711-“ Thu nhập khác”

+TK này dùng để phản ánh các khoản thu nhập hoạt động khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

+TK 711 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 07: Kế toán chi phí khác, thu nhập khác





Ghi chú:

(1a; 1b): Thu nhập từ thanh lý TSCĐ

(2) : Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng, Thu hồi các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ

(3): Được tài trợ, biếu, tặng vật tư, hàng hóa, TSCĐ

(4): Các khoản nợ phải trả chưa xác định được chủ nợ, quyết định xóa ghi vào thu nhập khác

(5): Các khoản hoàn thuế xuất khẩu, nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt được tính vào thu nhập khác

(6): Cuối kỳ, kết chuyển thu nhập khác phát sinh trong kỳ

(7): Giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý, nhượng bán

(8a): Chi phí phát sinh cho hoạt động thanh lý, nhượng bán

(8b): Thuế GTGT đầu vào của chi phí phát sinh cho hoạt động thanh lý,

nhượng bán

(9): Các khoản tiền bị phạt thuế, truy nộp thuế

(10): Các khoản tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế hoặc vi phạm pháp luật

(11): Cuối kỳ, kết chuyển chi phí khác phát sinh trong kỳ

1.6.7 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

+Tài khoản sử dụng: TK 821-“ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

+Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp, bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

+Tài khoản 821 có 2 tài khoản cấp 2:

- TK 8211: Chi phí thuế TNDN hiện hành
- TK 8212: Chi phí thuế TNDN hoãn lại

+TK 821 không có số dư cuối kỳ.

1.6.8 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

- *Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh*: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- *Kết quả hoạt động tài chính*: là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

- *Kết quả hoạt động khác*: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

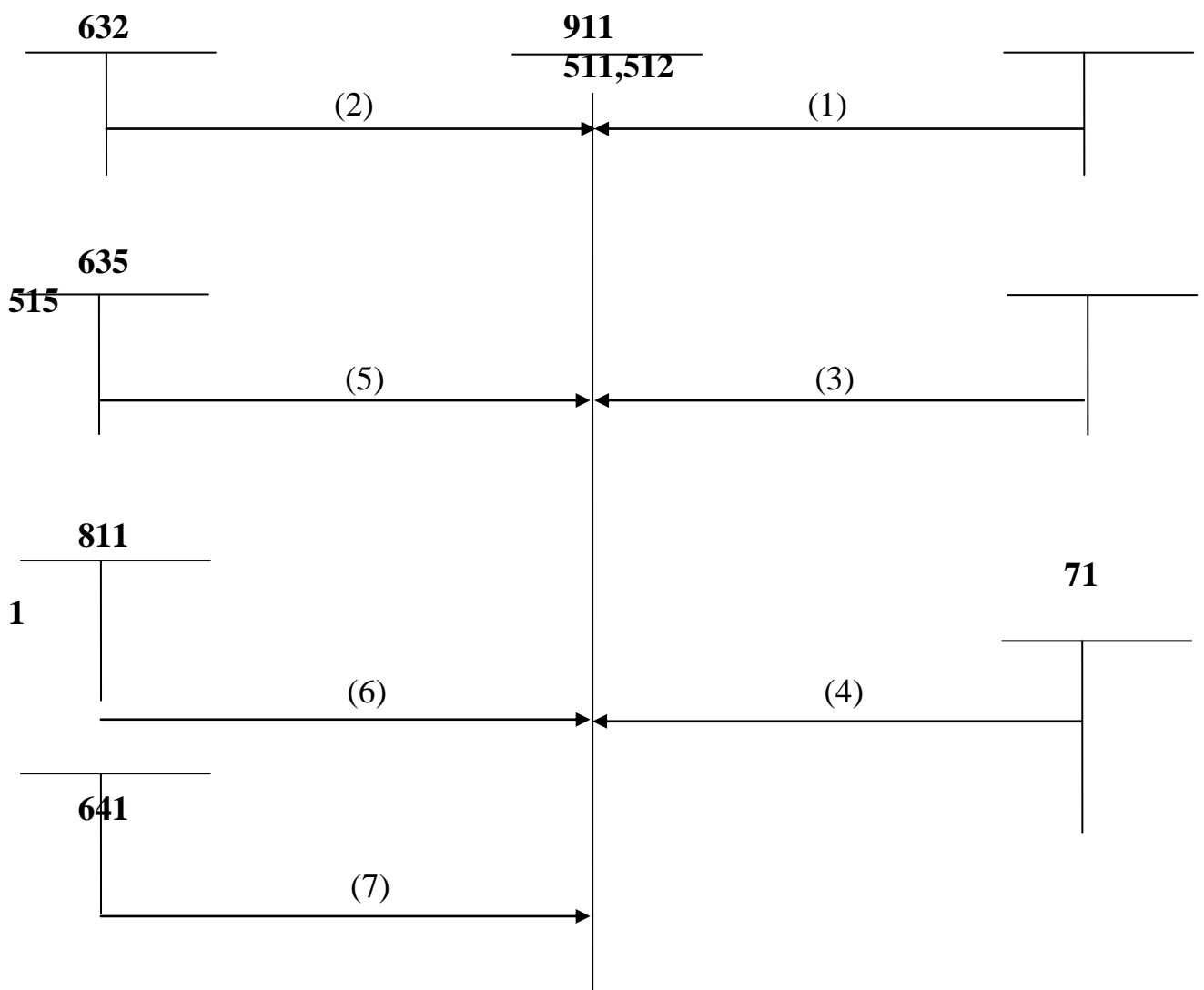
+Tài khoản sử dụng: TK 911- "Xác định kết quả kinh doanh" .

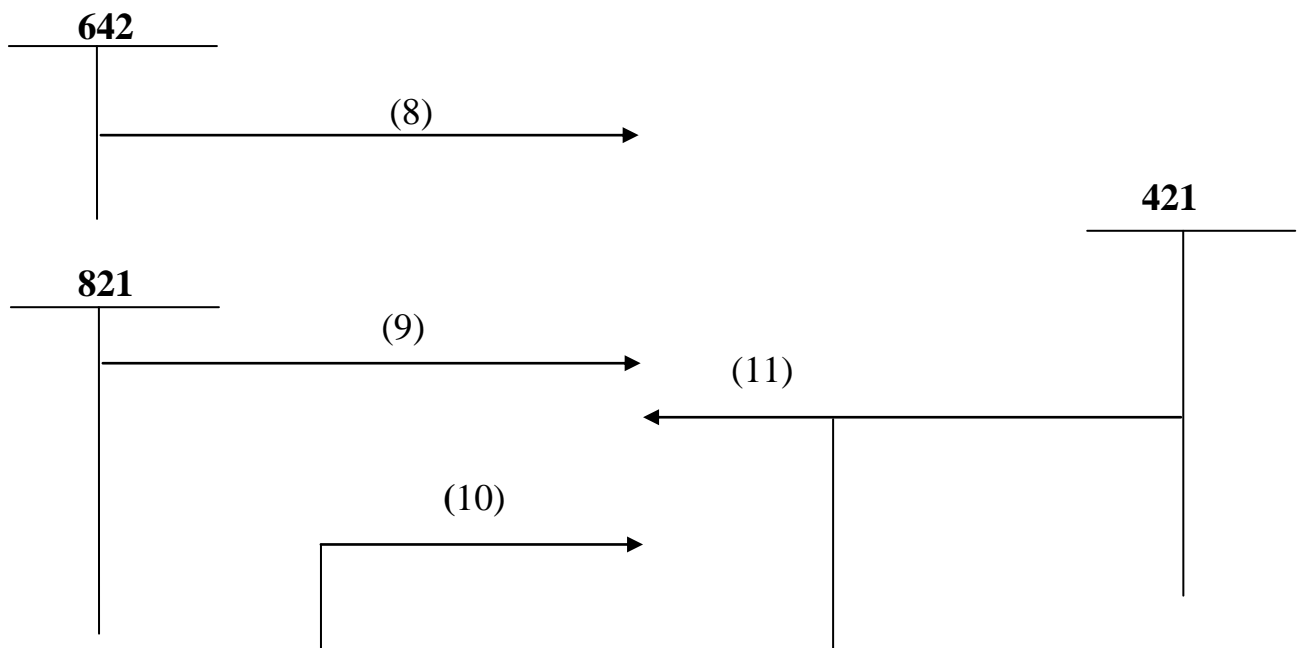
+Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh

doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kì kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

+TK 911 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 08: Kế toán xác định kết quả kinh doanh





Ghi chú:

- (1) Cuối kì kế toán kết chuyển số doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- (2) Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kì
- (3) Cuối kì kế toán kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính
- (4) Cuối kì kết chuyển thu nhập khác
- (5) Cuối kì kết chuyển chi phí tài chính
- (6) Cuối kì kết chuyển chi phí khác
- (7) Cuối kì kết chuyển chi phí bán hàng phát sinh trong kì
- (8) Cuối kì kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kì
- (9) Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- (10) Tính và kết chuyển số lãi hoạt động kinh doanh trong kì
- (11) Kết chuyển số lỗ hoạt động kinh doanh trong kì.

1.7 Tổ chức hệ thống sổ sách để hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

Để phản ánh đầy đủ, kịp thời, liên tục có hệ thống tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp nhằm cung cấp thông tin cần thiết cho việc lập báo cáo tài chính, các doanh nghiệp phải mở

đầy đủ các sổ và lưu trữ sổ kế toán theo đúng chế độ kế toán.

Các doanh nghiệp có thể áp dụng một trong bốn hình thức sổ kế toán sau:

- Hình thức Nhật kí chung
- Hình thức Chứng từ ghi sổ
- Hình thức Nhật kí- Sổ cái
- Hình thức Nhật kí chứng từ

Công ty TNHH Tiên Đại áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ nên trong bài em xin trình bày chi tiết hơn về hình thức này.

1.7.1 Hình thức Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ
- Sổ Cái
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết. . .

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ:

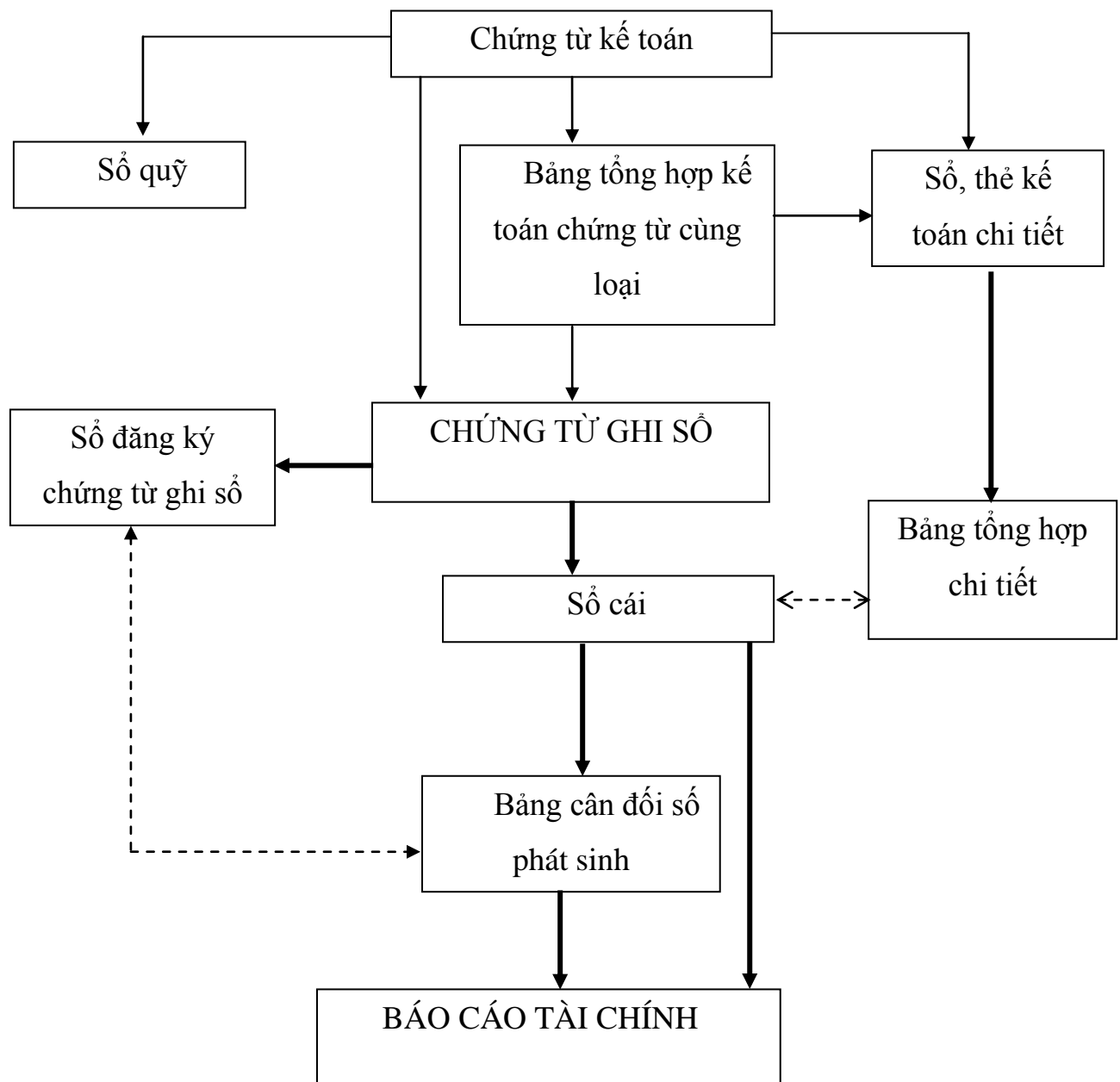
(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ

lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ,thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2) Cuối tháng phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ,tính ra tổng số phát sinh nợ,tổng số phát sinh có và số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái,căn cứ vào sổ Cái để lập Bảng cân đối số phát sinh.

(3) Sau khi đối chiếu khớp đúng,số liệu ghi trên sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết(được lập từ các sổ,thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.7.1: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: \longrightarrow
- Ghi định kỳ (cuối tháng, quý, năm) \longrightarrow
- Kiểm tra, đối chiếu $\leftarrow\text{-----}\rightarrow$

1.7.2 Hình thức Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán này: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các Sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức này gồm các loại sổ chủ yếu:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết...

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung:

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

1.7.3 Hình thức Nhật ký- Chứng từ

- Đặc trưng cơ bản của hình thức nhật ký chứng từ:

+ Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tia

khoản đối ứng nợ.

+ Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế

+ Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

+ Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

- Các sổ sách sử dụng:

+ Nhật ký chứng từ

+ Bảng kê

+ Sổ cái

+ Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

- Trình tự ghi sổ:

(1) Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký chứng từ hoặc bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.

Đối với các loại chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các bảng kê và Nhật ký chứng từ có liên quan

Đối với các Nhật ký chứng từ được ghi căn cứ vào các bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký chứng từ.

(2) Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký chứng từ, kiểm tra đối chiếu số liệu trên các Nhật ký chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký-chứng từ ghi trực tiếp vào sổ Cái.

Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ, thẻ chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các bảng tổng hợp chi tiết theo

từng tài khoản để đối chiếu với sổ cái.

Số liệu tổng cộng ở sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký chứng từ, Bảng kê và các bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

1.7.4 Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ Cái

-Đặc trưng: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Nhật ký-Sổ cái. Căn cứ để ghi vào Nhật ký-sổ cái là các chứng từ kế toán Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

- Sổ sách sử dụng:

+ Nhật ký- sổ cái

+ Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

- Trình tự ghi sổ:

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào sổ Nhật ký-sổ cái. Số liệu của mỗi chứng từ được ghi trên một dòng ở cả hai phần nhật ký và phần sổ cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

Chứng từ kế toán và bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi sổ Nhật ký-sổ cái được dùng để ghi vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2) Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Nhật ký sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Nhật ký sổ cái.

(3) Khi kiểm tra đối chiếu số cộng cuối tháng trong sổ Nhật ký sổ Cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

Tổng số tiền của cột “ phát sinh “ ở phần Nhật ký	=	Tổng số phát sinh Nợ của tất cả các tài khoản	=	Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản
---	---	---	---	---

$$\text{Tổng số dư Nợ các tài khoản} = \text{Tổng số dư Có các tài khoản}$$

(4) Các sổ,thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khoá sổ để cộng số phát sinh Nợ, cộng số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khoá sổ của các đối tượng lập Bảng tổng hợp chi tiết cho từng tài khoản. Số liệu trên Bảng tổng hợp chi tiết được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Nhật ký sổ cái.

Số liệu trên Nhật ký sổ cái và trên Bảng tổng hợp chi tiết sau khi khoá sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

1.7.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

- Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy:

+ Đây là công việc được thực hiện trên một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong 4 hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định là: Nhật kí chung, Nhật kí- sổ cái, Chứng từ ghi sổ, Nhật kí chứng từ. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ qui trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo qui định.

+ Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào thì sổ sách được thiết kế theo hình thức đó nhưng không hoàn toàn bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

- Trình tự ghi sổ:

(1) Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

(2) Cuối tháng hoặc bất kỳ vào thời điểm nào cần thiết kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kì. Người làm kế toán có thể kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với Báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG 2

**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY TNHH TIẾN ĐẠI**

2.1 Giới thiệu khái quát về Công ty TNHH Tiến Đại

2.1.1 Khái quát sự phát triển và tình hình sản xuất kinh doanh tại Công ty

*** Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Tiến Đại**

Công ty TNHH Tiến Đại được cấp giấy phép đăng ký kinh doanh số: 0202000494 đăng ký lần đầu 21/11/2001 do phòng đăng kí kinh doanh – Sở Kế Hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Tiến Đại
- Địa chỉ: Cầu Đông- Quang Trung- An Lão- Hải Phòng
- Điện thoại: 0313 572 514
- Fax: (0313) 572 514
- Vốn điều lệ: 2.500.000.000 VNĐ
- Mã số thuế: 0200447853
- Tài khoản: 2631100319001 tại Ngân hàng TMCP Quân đội CN Bắc Hải HP

Ban đầu khi mới thành lập từ năm 2001 công ty TNHH Tiến Đại chỉ là một cửa hàng đại lí mua bán vật liệu như: sắt, thép, đá, cát, sỏi... Sau khi cửa hàng đi vào hoạt động, khi nền kinh tế bước sang giai đoạn công nghiệp hóa- hiện đại hóa nhu cầu về nguyên vật liệu xây dựng ngày càng tăng. Đây chính là cơ sở và tiền đề tạo điều kiện để thành lập công ty TNHH Tiến Đại. Để đáp ứng nhu cầu đó, giám đốc công ty là ông Nguyễn Văn Chỉnh cùng Nguyễn Văn Minh và Phạm Thị Phương huy động vốn và quyết định thành lập công ty TNHH Tiến Đại. Trong đó:

- Ông Nguyễn Văn Chỉnh là thành viên sáng lập, số tiền là 1300 triệu đồng, chiếm 52% vốn điều lệ.
- Ông Nguyễn Văn Minh thành viên góp vốn, số tiền là 800 triệu đồng,

chiếm 32% vốn điều lệ.

- Bà Phạm Thị Phượng thành viên góp vốn, số tiền là 400 triệu đồng, chiếm 16% vốn điều lệ.

***Đặc điểm sản xuất kinh doanh**

- Công ty tạo dựng được uy tín và mối quan hệ tốt với các nhà cung cấp và Công ty TNHH Tiên Đại hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng, vận tải và vận tải thủy bộ.

- Công ty vừa duy trì hình thức bán lẻ, vừa là đại lý chính thức phân phối cho các công ty và cửa hàng khác. Công ty còn thực hiện trọn gói từ bốc xếp đến vận chuyển đến tận nơi đảm bảo uy tín và chất lượng. Do vậy công ty đã trở thành một cơ sở tin cậy của khách hàng và tương đối lớn ở khu vực, công ty được nhiều ưu đãi trong việc nhập hàng và giao hàng.

- Theo giấy cấp phép kinh doanh của công ty được Nhà nước cấp phép hoạt động trong lĩnh vực sau:

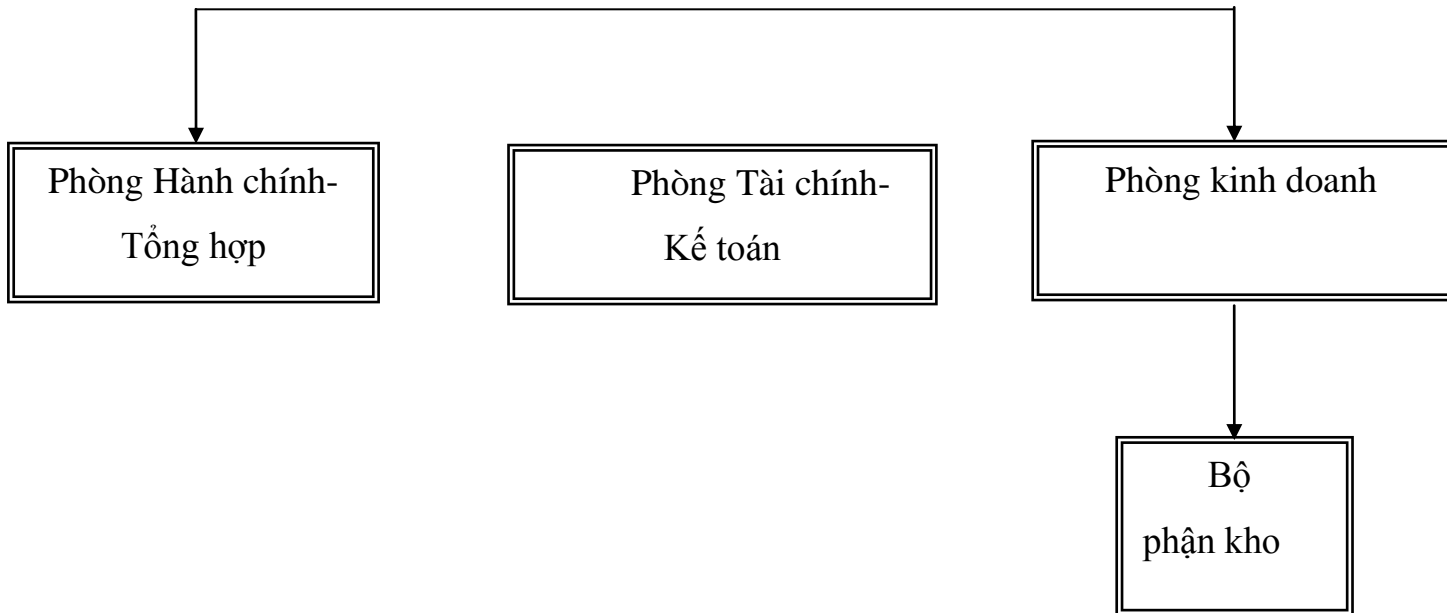
- + Kinh doanh các mặt hàng cát xây dựng
- + Kinh doanh các mặt hàng đá xây dựng
- + Kinh doanh các mặt hàng gạch
- + Kinh doanh các mặt hàng sắt, thép...
- + Xây dựng các công trình dân dụng
- + Dịch vụ vận tải thủy, bộ

2.1.2 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Căn cứ và điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty TNHH Tiên Đại. Công ty tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh theo mô hình trực tuyến chức năng. Biểu hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của Công ty TNHH Tiên Đại





- ❖ Giám đốc: Quản lý mọi hoạt động kinh doanh của công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về hiệu quả hoạt động của công ty.
- ❖ Phòng Hành chính- Tổng hợp: Có nhiệm vụ tham mưu cho lãnh đạo xây dựng kế hoạch lao động, tiền lương theo yêu cầu và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm lo các vấn đề về nhân sự của công ty, tổ chức và quản lý hành chính công ty.
- ❖ Phòng Tài chính- Kế toán: Có chức năng lập và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính theo tháng, quý, năm; cung cấp các chỉ tiêu kinh tế tài chính cần thiết cho giám đốc; thực hiện hạch toán theo quy định của nhà nước và điều lệ công ty, lập các báo cáo tài chính theo tháng, quý, năm.
- ❖ Phòng kinh doanh: Nghiên cứu thị trường, tìm kiếm bạn hàng kinh doanh, tổ chức kế hoạch, chiến lược kinh doanh. Phòng kinh doanh sẽ quản lý các bộ phận kinh khai thác kho bãi.
- ❖ Bộ phận kho: Tổ chức và quản lý hàng hóa lưu kho, theo dõi và ghi chép việc thực hiện nhập, xuất hàng hóa tại kho.

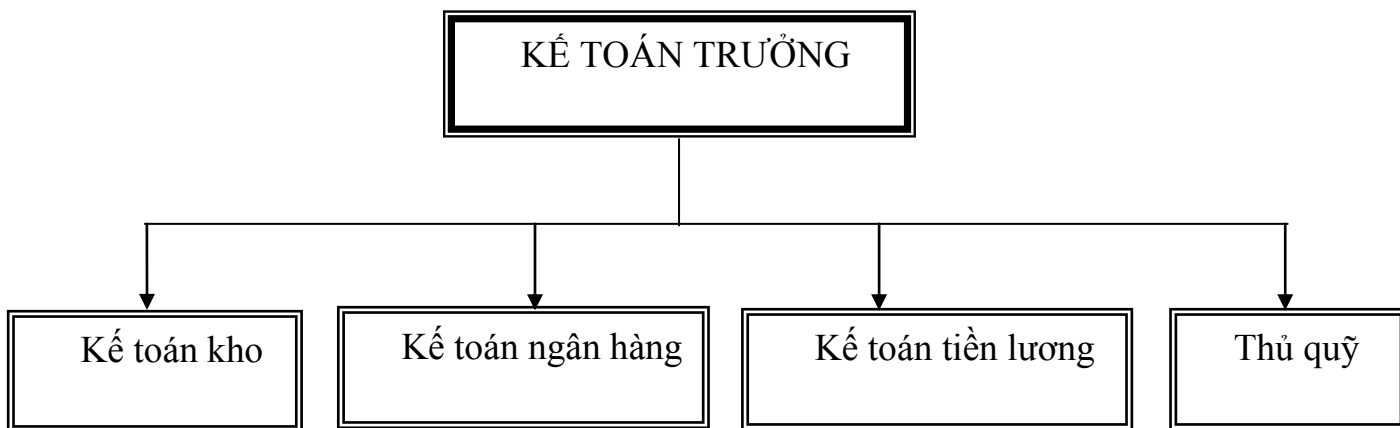
2.1.3 Đặc điểm bộ máy kế toán và công tác kế toán tại Công ty.

2.1.3.1 Mô hình tổ chức

Để tổ chức bộ máy kế toán hợp lý, gọn nhẹ, có hiệu quả đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, công ty đã lựa chọn hình thức bộ máy kế toán tập trung. Nhờ hình thức này tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng.

Bộ máy kế toán tại công ty TNHH Tiến Đại được tổ chức theo mô hình tập trung mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được gửi về phòng kế toán hành chính để kiểm tra, xử lý và ghi sổ kế toán.

Sơ đồ 2.2 Bộ máy kế toán của Công ty TNHH Tiến Đại



Theo mô hình trên, chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận:

- Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp: Chỉ đạo tổ chức các phân hành kế toán; kiểm tra giám đốc toàn bộ hoạt động kinh tế tài chính của công ty; tham vấn cho giám đốc để có thể đưa ra các quyết định hợp lý. Cuối kỳ, kế toán trưởng tập hợp số liệu từ các bộ phận phòng ban, lập báo cáo tài chính, xác định kết quả và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty.
- Thủ quỹ: có nhiệm vụ quản lý và nhập, xuất tiền mặt phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu với số liệu quỹ tiền mặt và sổ

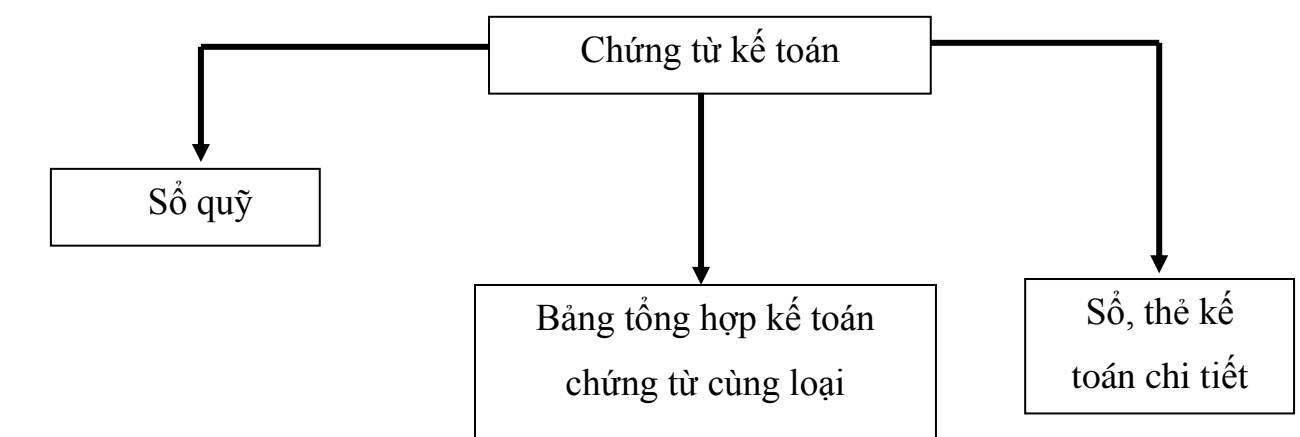
kế toán tiền mặt.

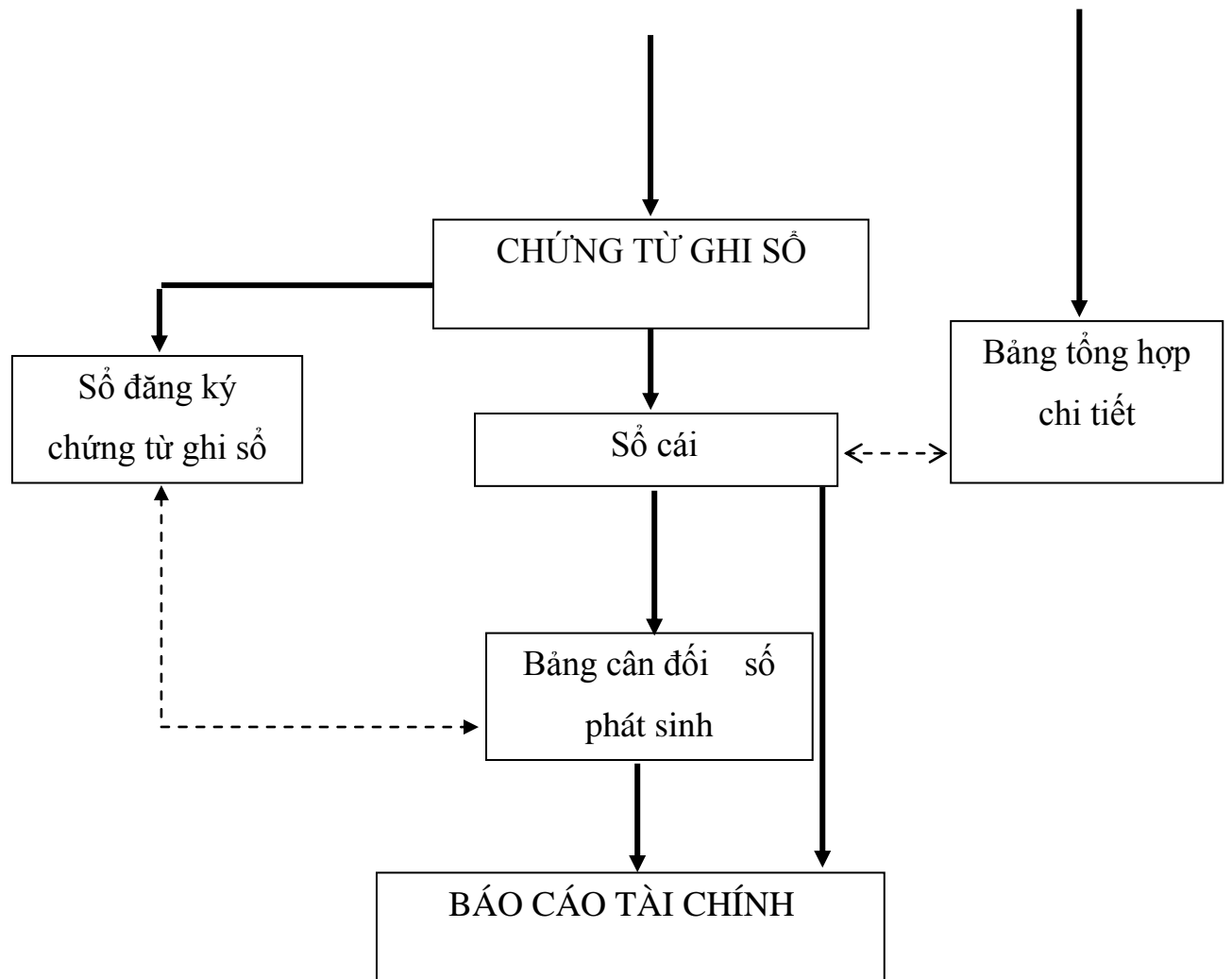
- Kế toán ngân hàng theo dõi các tình hình biến động tăng giảm tiền gửi ngân hàng của công ty
- Kế toán kho: Có nhiệm vụ theo dõi ghi chép việc nhập, xuất hàng hóa tại các kho bãi chứa hàng.
- Kế toán tiền lương: Tính và hạch toán, thanh toán tiền lương cho cán bộ, công nhân viên trong công ty.

2.1.3.2 Tổ chức công tác kế toán và hình thức ghi sổ kế toán.

- Kỳ kế toán: kỳ kế toán năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12
- Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam(VND)
- Hình thức kế toán sử dụng: Công ty không sử dụng phần mềm kế toán
- Hình thức sổ sách kế toán sử dụng: Chứng từ ghi sổ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: phương pháp đường thẳng(khấu hao đều)
- Phương pháp áp dụng tính thuế: phương pháp khấu trừ
- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả tháng.
- Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán của công ty áp dụng theo chuẩn mực kế toán mới ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Sơ đồ 1.9.1: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ





Ghi chú:

- Ghi định kỳ (cuối tháng, quý, năm) \longrightarrow
- Kiểm tra, đối chiếu $\leftarrow\text{-----}\rightarrow$

Cuối tháng, căn cứ vào các chứng từ gốc đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ kế toán lập bảng tổng hợp kế toán chứng từ cùng loại, sổ chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết, kế toán lập các Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào các chứng từ gốc để ghi vào Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Sau đó phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính

phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Cái để lập Bảng Cân đối số phát sinh.

Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu phải đảm bảo:

+ Tổng số phát sinh Nợ = Tổng số phát sinh Có của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh = Tổng số tiền phát sinh sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ;

+ Tổng số dư Nợ = Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh

+ Số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh = Số dư của các tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Tiên Đại

2.2.1 Đặc điểm quá trình tiêu thụ tại công ty TNHH Tiên Đại.

Công ty TNHH Tiên Đại là một doanh nghiệp chuyên kinh doanh các vật liệu xây dựng, dịch vụ vận tải thủy bộ. Vì vậy mà doanh thu của công ty gồm cả doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Đặc điểm về tiêu thụ:

+ Về khối lượng hàng hóa xuất bán: Hạch toán chi tiết hàng hóa đảm bảo cho phòng kinh doanh nắm chắc được tình hình hiện còn của từng loại hàng hóa, làm cơ sở cho việc ký kết các hợp đồng mua, bán hàng dễ dàng.

+ Về quy cách, phẩm chất hàng xuất bán: hàng hóa trước khi nhập kho được kiểm tra một cách nghiêm ngặt về chất lượng và quy cách, kiên quyết không cho nhập kho những hàng hóa không đạt yêu cầu. Hàng hóa được bảo quản cẩn thận khi lưu kho và vận chuyển đến tận nơi khách hàng.

+ Về giá bán: Để thu hút được khách hàng, Công ty có một chính sách giá cả hết sức linh hoạt. Giá bán được xác định trên 3 căn cứ: Giá mua hàng hóa nhập kho, giá cả thị trường và mối quan hệ giữa khách hàng với chi nhánh Công

ty. Chi nhánh Công ty thực hiện giảm giá với khách hàng mua thường xuyên, mua với khối lượng lớn, với khách hàng ở tỉnh xa về hoặc khách hàng mua thanh toán ngay. Phần giảm giá, chiết khấu này chi nhánh Công ty có thể thực hiện trên hóa đơn hoặc cuối mỗi chu kỳ kinh doanh, sau khi xem xét toàn bộ khách hàng mua trong kỳ để quyết định giảm giá cho những khách hàng mua nhiều với tỷ lệ 1% đến 2% trên tổng doanh số bán ra. Cùng với đó thái độ phục vụ khách hàng tận tình của nhân viên mà uy tín của chi nhánh Công ty với các bạn hàng ngày càng được nâng cao.

- Phương thức thanh toán:

Công ty thực hiện phương thức thanh toán rất đa dạng, phụ thuộc vào các hợp đồng kinh tế đã ký kết, khách hàng có thể trả chậm từ 10 đến 15 ngày hoặc có thể thanh toán ngay bằng tiền mặt, ngân phiếu, séc chuyển khoản, Chi nhánh Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng thanh toán, đồng thời đảm bảo không gây thiệt hại kinh tế cho bản thân chi nhánh Công ty mình. Phương thức trả chậm hiện nay đang phổ biến đối với hình thức bán buôn. Do đó để quản lý chặt chẽ các khoản phải thu, nếu thanh toán vượt quá thời hạn thanh toán ghi trên hợp đồng thì chi nhánh Công ty tính lãi suất 1.5%/ tháng trên tổng giá trị thanh toán. Vì vậy, trong các năm gần đây không có hiện tượng khách hàng không đủ khả năng thanh toán hay bị chiếm dụng vốn trong thời gian dài. Đồng thời việc thanh toán trả chậm chỉ được thực hiện đối với khách hàng có quan hệ lâu dài với chi nhánh Công ty hoặc khách hàng có tài sản thế chấp được ngân hàng bảo lãnh.

2.2.2 Thực trạng hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tiến Đại.

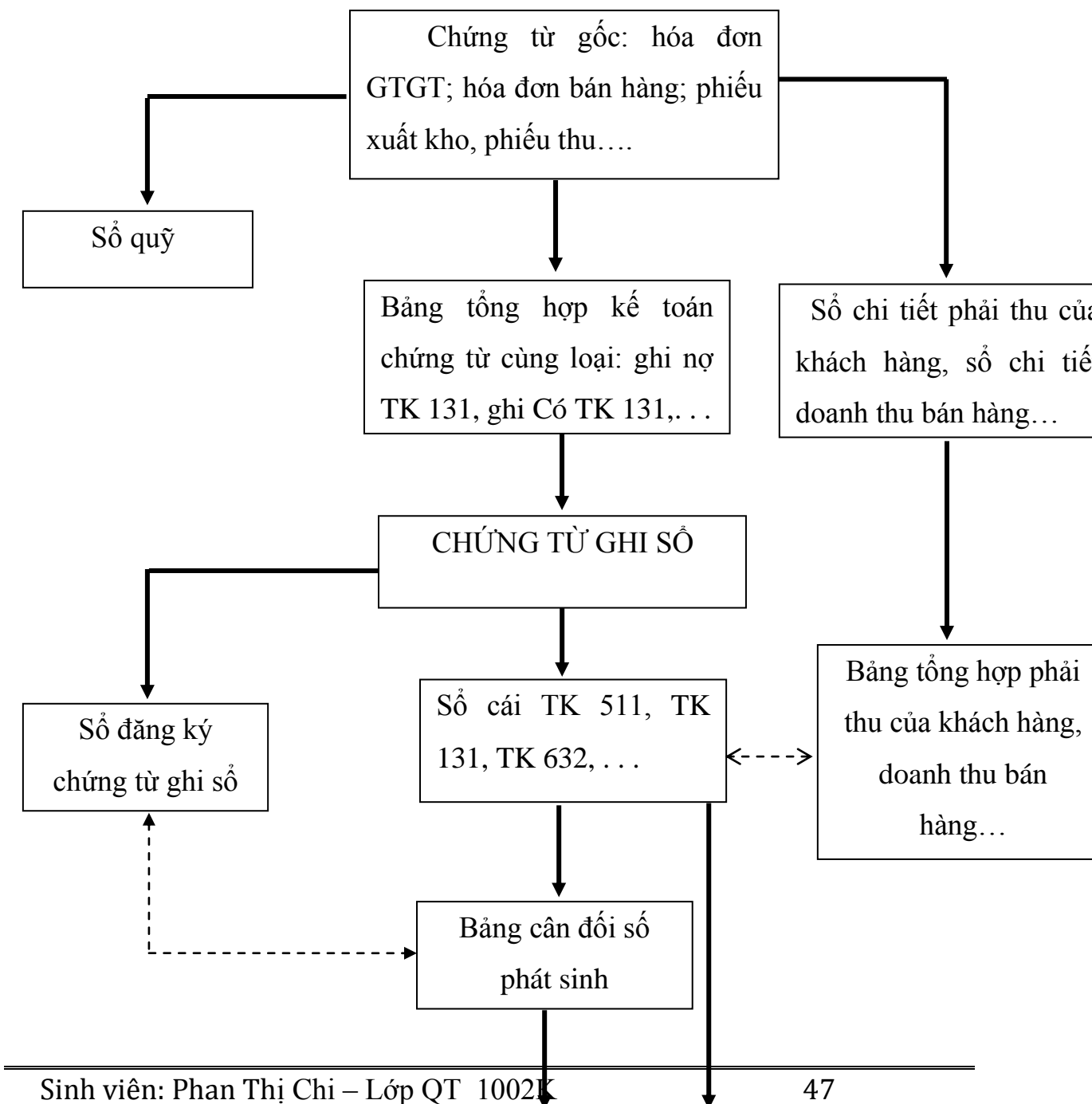
* Các chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng để hạch toán quá trình tiêu thụ, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh:

- Các chứng từ sử dụng gồm:

- + Hợp đồng kinh tế
- + Hóa đơn GTGT

- + Phiếu xuất kho
- + Phiếu thu
- + Giấy báo có của ngân hàng, . .
- Các sổ sách sử dụng gồm:
 - + Sổ chi tiết bán hàng
 - + Sổ tổng hợp doanh thu
 - + Sổ chi tiết phải thu của khách hàng
 - + Sổ tổng hợp phải thu của khách hàng. . .
- * Các tài khoản sử dụng gồm:
 - + TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
 - + TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
 - + TK 521: Chiết khấu thương mại
 - + TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
 - + TK 632: Giá vốn hàng bán
 - + TK 635: Chi phí hoạt động tài chính
 - + TK 641: Chi phí bán hàng
 - + TK 642: Chi phí quản lý
 - + TK 711: Thu nhập khác
 - + TK 811: Chi phí khác
 - + TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
 - + TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
 - + TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối. . .

**Quy trình luân chuyển chứng từ
trong hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ghi chú:

- Ghi định kỳ(cuối tháng, quý, năm) \longrightarrow
- Kiểm tra, đối chiếu $\leftarrow\text{-----}\rightarrow$

2.2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Một số ví dụ và bảng biểu minh họa:

NVKTPS 1: Ngày 18/05/2009 xuất bán hàng hóa cho công ty CP QL và XD đường bộ 234 chưa thu được tiền, số tiền 21.450.000(gồm VAT 10%), giá vốn 16.500.000

Trình tự hạch toán:

Trước tiên, căn cứ vào biên bản kí kết hợp đồng kế toán viết phiếu xuất kho(Biểu số 02) hàng hoá, phiếu xuất kho sau khi viết xong được chuyển cho thủ kho để xuất kho hàng hoá cho khách hàng. Khi xuất kho thủ kho phải kiểm tra xem số lượng, chủng loại hàng hoá có đúng với quy định ghi trong phiếu xuất kho hay không. Từ đó kế toán sẽ lập hoá đơn GTGT(Biểu số 01) về bán hàng hoá.

Cuối tháng, căn cứ vào hóa đơn GTGT:

- Kế toán phân loại và lập bảng tổng hợp chứng từ cùng loại(biểu số 03; 04; 10)
- Kế toán lập sổ chi tiết phải thu của khách hàng(Biểu số 05), từ các sổ chi tiết phải thu khách hàng kế toán lập sổ tổng hợp phải thu của khách hàng(Biểu số 06); sổ chi tiết bán hàng (Biểu số 07; 08), căn cứ vào sổ chi tiết bán hàng của từng mặt hàng kế toán lập sổ tổng hợp doanh thu(Biểu số 09). . .

Căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại, kế toán lập Chứng từ ghi sổ số 5(Biểu số 11), Chứng từ ghi sổ số 6(Biểu số 12), Chứng từ ghi sổ số 29(Biểu số 13)...

Căn cứ vào các Chứng từ ghi sổ đó, kế toán lập Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ và lập Sổ Cái các TK 131(Biểu số 14), TK 511(Biểu số 15). Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ Cái TK 131, TK 511 và Bảng tổng hợp chi tiết thanh toán với người mua, bảng tổng hợp doanh thu kế toán lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 01:

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01- GTKT- 3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		KB/2009B			
Liên 1: lưu nội bộ		0036464			
<i>Ngày 18 tháng 05 năm 2009</i>					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Tiên Đại					
Địa chỉ: Cầu Đông- Quang Trung- An Lão- Hải Phòng					
Số tài khoản: 2631100319001					
Điện thoại:MST: 0200447853					
Họ và tên người mua hàng: Anh Vinh					
Tên đơn vị mua hàng: Công ty CPQL và XD đường bộ 234					
Địa chỉ:					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: Chưa thanh toán			MST: 5700423673		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Gạch chỉ	Viên	15.000	1.300	19.500.000
Cộng tiền hàng:					19.500.00
Thuế suất thuế GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		1.950.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					21.450.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng					

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Thủ trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)
---------------------------------------	---------------------------------------	-----------------------------------

Biểu số 02:

Công ty TNHH Tiên Đại Mẫu số: 02- VT
Quang Trung- An Lão- Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
 BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 18 tháng 05 năm 2009

Nợ 632

Số

Có 156

- Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Vinh Địa chỉ(bộ phận); phòng
kinh doanh
- Lý do xuất kho:
- Xuất tại kho: Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành t
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Gạch chỉ		Viên		15.000.	1.100	16.500.
	Cộng						16.500.

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): mười sáu triệu năm trăm nghìn
- Số chứng từ gốc kèm theo: 01- HD 0036464

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký,

họ tên)

Biểu số 03:**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Ghi Nợ TK 131

Chứng từ		Diễn giải	Tổng số tiền Ghi Nợ TK 131	Có các TK đối ứng	
NT	SH			511	3331
		...			
18/05	0036464	Bán hàng cho cty đường bộ 234	21.450.000	19.500.000	1.950.000
18/05	0035123	Bán hàng hóa cho cty Trọng Đức Trà	46.094.400	41.904.000	4.190.400
22/05	0054625	Bán hàng cho cty Trọng Đức Trà	6.050.000	5.500.000	550.000
				
		Cộng	433.635.400	394.214.000	39.421.400

Biểu số 04:**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Ghi Có TK 131

Chứng từ		Diễn giải	Tổng số tiền Ghi Có TK 131	Có các TK đối ứng		
NT	SH			521	111	112
		...				
22/05		Cty đường bộ 234 thanh toán tiền hàng	30.000.000		30.000.000	
25/05		Cty Trọng Đức Trà thanh toán tiền hàng	46.094.400	46.094.400		
31/05		Chiết khấu thương mại	2.400.000	2.400.000		

		cho khách hàng				
					
		Cộng	286.970.000	2.400.000	134.570.000	150.000.000

Biểu số 05: Công ty TNHH Tiên Đại
Quang Trung- An Lão- Hải Phòng

Mẫu số: S31- DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA(NGƯỜI BÁN)

Tài khoản: 131

Đối tượng: Công ty CPQL và XD đường bộ 234

Loại tiền: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày,tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ				23.515.000	
			...					
18/05	0036464	18/05	Xuất bán hàng hóa cho ty đường bộ 234	511	19.500.000			
				3331	1.950.000			
			...					
25/05		25/05	Cty đường bộ 234 trả nợ	112		30.000.000		
			-Cộng số phát sinh		34.505.000	45.500.000		
			Số dư cuối kỳ				12.520.000	

Biểu số 06:

Mẫu số: S31- DN

Công ty TNHH Tiên Đại
Quang Trung- An Lão- Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA(NGƯỜI BÁN)

Tài khoản: 131

Số TT	Tên đối tượng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty CPQL và XD đường bộ 234	23.515.000		34.505.000	45.500.000	12.520.000	
2	Công ty CP xây lắp và TM Trọng Đức Trà	15.323.000		49.425.000	40.000.000	24.748.000	
	...						
	Cộng	101.396.000		433.635.400	286.970.000	48.061.400	

Biểu số 07:

Công ty TNHH Tiến Đại
Quang Trung- An Lão- Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm(hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Gạch chỉ

Ngày, tháng ghi sổ	Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu				Các khoản tính trừ		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Thuế	Khác	
					TK111	TK131	Tổng		
18/05	Xuất bán hàng cho cty đường bộ 234	131	15.000	1.300		19.500.000	19.500.000		
22/05	Xuất hàng cho cty đường bộ 234	111	5.000	1.300	6.500.000		6.500.000		
31/05	Xuất bán cho công ty đường bộ 234	111	2.500	1.300	3.250.000		3.250.000		
	Cộng		22.500	1.300	9.750.000	19.500.000	29.250.000		

Biểu số 08:

Công ty TNHH Tiến Đại
Quang Trung- An Lão- Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên đối tượng: Công ty CP XD và QL đường bộ

Ngày, tháng ghi sổ	Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu					Các khoản tính trừ	
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền			Thuế	Khác
					TK111	TK131	Tổng		
18/05	Xuất bán hàng cho cty đường bộ 234	131	15.000	1.300		19.500.000	19.500.000		
22/05	Xuất hàng cho cty đường bộ 234	111	5.000	1.300	6.500.000		6.750.000		
		111	278	120.000	33.360.000		33.360.000		
		131	55	110.000		5.500.000	5.500.000		
	...								
31/05	Xuất bán cho công ty đường bộ 234	111	2.500	1.300	3.250.000		3.250.000		
	Cộng				85.495.000	34.505.000	120.000.000		

Biểu số 09:**Công ty TNHH Tiến Đại****Quang Trung- An Lão- Hải Phòng****SỔ TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG TK 511**

Ngày, tháng ghi sổ	Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu					Các khoản tính trừ	
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền			Thuế	Khác
		TK111			TK131	Tổng			
	...								
18/05	Xuất bán gạch chỉ	131	15.000	1.300		19.500.000	19.500.000		
18/05	Xuất bán đá 1x2	131	400	104.762		41.904.000	41.904.000		
	...								
22/05	Xuất hàng gạch chỉ	111	5.000	1.300	6.500.000		6.750.000		
22/05	Xuất bán đá base	111	278	120.000	33.360.000		33.360.000		
22/05	Xuất bán cát vàng	131	55	110.00		5.500.000	5.500.000		
	...								
31/05	Xuất bán gạch chỉ	111	2.500	1.300	3.250.000		3.250.000		
31/05	Xuất bán đá base	131	400	120.000		48.000.000	48.000.000		
31/05	Xuất bán đá 1x2	111	500	104.762	52.381.000		52.381.000		
	Cộng				258.186.000	394.214.000	652.400.000		

Biểu số 10:

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Ghi nợ TK 511

Chứng từ		Diễn giải	Tổng số tiền Ghi Nợ TK 511	Có các TK đối ứng	
NT	SH			521	911
31/05		Kết chuyển chiết khấu thương mại cho khách hàng	2.400.000	2.400.000	
31/05		Kết chuyển doanh thu thuần	650.000.000		650.000.000
		Cộng	652.400.000	2.400.000	650.000.000

Biểu số 11:

Mẫu số: 02- DN

Công ty TNHH Tiến Đại*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC***Quang Trung- An Lão- Hải Phòng***ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)***CHỨNG TỪ GHI SỔ***Số:5**Ngày 31 tháng 5 năm 2009*

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Doanh thu bán hàng chịu	131	511	394.214.000	
Thuế GTGT của hàng bán ra	131	3331	39.421.400	
Cộng			433.635.400	

Biểu số 12:

Mẫu số: 02- DN

Công ty TNHH Tiến Đại*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC***Quang Trung- An Lão- Hải Phòng***ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Biểu số 13:

Mẫu số: 02c1- DN

Công ty TNHH Tiến Đại
 Quang Trung- An Lão- Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Số:6

Ngày 31 tháng 5 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Thu tiền hàng của khách hàng	112	131	150.000.000	
	111	131	134.570.000	
Khoản chiết khấu thương mại cho khách hàng	521	131	2.400.000	
Cộng			286.970.000	

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Phải thu của khách hàng

Số hiệu: 131

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		101.396.000	
31/05	5	31/05	Doanh thu bán hàng	511	394.214.000	
31/05	5	31/05	Thuế GTGT đầu ra	3331	39.421.400	
31/05	6	31/05	Thu tiền hàng của khách hàng	112		150.000.000
31/05	6	31/05	Thu tiền hàng của khách hàng	111		134.570.000
31/05	6	31/05	Khoản chiết khấu thương mại cho khách hàng	521		2.400.000
			Cộng số phát sinh		433.635.400	286.970.000
			Số dư cuối kỳ		48.061.400	

Biểu số 14:

Mẫu số: S02a- DN

Công ty TNHH Tiến Đại

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Quang Trung- An Lão- Hải Phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 29

Ngày 31 tháng 5 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu tài	Số tiền	Ghi
-----------	-------------	---------	-----

	khoản			chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển chiết khấu thương mại cho công ty đường bộ 234	511	521	2.400.000	
Kết chuyển doanh thu thuần	511	911	650.000.000	
Cộng			652.400.000	

Biểu số 15:

**Công ty TNHH Tiến Đại
Quang Trung- An Lão- Hải Phòng**

Mẫu số: 02c1- DN

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có

			Số dư đầu kỳ			
31/05	5	31/05	Doanh thu bán chịu	131		394.214.000
31/05	1	31/05	Doanh thu bán hàng thu tiền ngay	111		258.186.000
31/05	29	31/05	Kết chuyển chiết khấu thương mại cho khách hàng	521	2.400.000	
31/05	29	31/05	Kết chuyển doanh thu thuần	911	650.000.000	
			Cộng số phát sinh		652.400.000	652.400.000
			Số dư cuối kỳ			

2.2.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại. Nguyên nhân có thể do hàng bị lỗi, sai quy cách, phẩm chất do nhà sản xuất, do khâu vận chuyển hoặc chiết khấu cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn. Chiết khấu thương mại là một trong những phương thức nhằm kích thích tiêu thụ hàng hóa.

- Để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu kế toán sử dụng: TK 521- Chiết khấu thương mại
- Chứng từ sử dụng: Hóa đơn GTGT, phiếu chi,
- Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ chi tiết bán hàng
 - + Sổ cái TK 521

+Chứng từ có liên quan.

➤ Quy trình luân chuyển chứng từ các khoản giảm trừ doanh thu:

Từ các chứng từ liên quan kế toán vào Chứng từ ghi sổ sau đó vào Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào các chứng từ ghi sổ, kế toán lập Sổ cái TK 521

NVKTPS: Ngày 25/05/2009 Giám đốc công ty nhận xét công ty CP QL và XD đường bộ 234 đã mua hàng với số lượng lớn trong tháng với doanh thu là 120.000.000. Giám đốc công ty quyết định giảm 2% trên tổng doanh số bán cả tháng cho công ty CP XD và QL đường bộ 234

Căn cứ vào sổ chi tiết bán hàng theo đối tượng (Biểu số 08). Kế toán tính được tổng doanh số bán cho cty đường bộ 234 là 120.000.000. Khoản chiết khấu thương mại mà công ty dành cho khách hàng là:

$$120.000.000 \times 2\% = 2.400.000$$

Từ NVKTPS trên kế toán căn cứ vào Chứng từ ghi sổ số 6 và Chứng từ ghi sổ số 29, kế toán lập sổ Cái TK 521 (Biểu số 16).

Biểu số 16:

Mẫu số: 02c1- DN

**Công ty TNHH Tiến Đại
Quang Trung- An Lão- Hải Phòng**

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chiết khấu thương mại

Số hiệu: 521

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có

			Số dư đầu kỳ			
31/05	6	31/05	Khoản chiết khấu thương mại dành cho công ty đường bộ 234	131	2.400.000	
31/05	29	31/05	Kết chuyển chiết khấu thương mại	511		2.400.000
			Cộng số phát sinh		2.400.000	2.400.000
			Số dư cuối kỳ			

2.2.2.3. Hạch toán giá vốn hàng bán

Để phản ánh giá vốn hàng xuất bán công ty sử dụng TK 632 – Giá vốn hàng bán.

Trị giá vốn hàng xuất bán trong kì tại công ty được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì dự trữ. Cách tính giá hàng hoá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì dự trữ:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập trong kỳ}}$$

Từ NVKTPS trên :

Kế toán căn cứ vào phiếu xuất kho do thủ kho gửi lên kế toán lập bảng kê giá vốn hàng xuất(Biểu số 17), kế toán lập bảng tổng hợp chứng từ cùng loại(Biểu số 18; 19). Căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại kế toán lập Chứng từ ghi sổ số 30(Biểu số 20) , Chứng từ ghi sổ số 31 (Biểu số 21) và vào Sổ Đăng ký Chứng từ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ số 30 và Chứng từ ghi sổ số 31 kế toán lập sổ Cái TK 632(Biểu số 22).

	phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa		vị tính	Yêu cầu	Thực xuất	giá	
1	Gạch chỉ		Viên		15.000.	1.100	16.500.000
	Cộng						16.500.000

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): mười sáu triệu năm trăm nghìn

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01- HD 0036464

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám
độc

(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ
tên)

Biểu số 17:

BẢNG KÊ GIÁ VỐN

Số TT	Diễn giải	Số tiền
...		
5	Xuất bán 15.000 viên gạch chỉ	16.500.000
6	Xuất bán 400 m ³ đá 1x2	10.829.600
...		
9	Xuất bán 5.000 viên gạch chỉ	5.500.000
	Xuất bán 278 m ³ đá base	29.190.000
	Xuất bán 55 m ³ cát vàng	6.050.000
...		

15	Xuất bán 2.500 viên gạch chỉ	2.750.000
	Xuất bán 400 m ³ đá base	42.000.000
...		
	Cộng	505.375.062

Biểu số 18:**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Ghi Nợ TK 632

Chứng từ		Diễn giải	Tổng số tiền	Có TK 156
NT	SH		Ghi Nợ TK 632	
31/05		Giá vốn của hàng bán	505.375.062	505.375.062
		Cộng	505.375.062	505.375.062

Biểu số 19:**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Ghi Có TK 632

Chứng từ		Diễn giải	Tổng số tiền	Nợ TK 911
NT	SH		Ghi Có TK 632	
31/05		Kết chuyển giá vốn của hàng bán	505.375.062	505.375.062
		Cộng	505.375.062	505.375.062

Biểu số 20:

Mẫu số: S02a- DN

Công ty TNHH Tiến Đại

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC)

Quang Trung- An Lão- Hải Phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:30

Ngày 31 tháng 5 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Giá vốn của hàng hóa bán	632	156	505.375.062	
Cộng			505.375.062	

Biểu số 21:

Mẫu số: S02a- DN

Công ty TNHH Tiến Đại

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Quang Trung- An Lão- Hải Phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:31

Ngày 31 tháng 5 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	505.375.062	
Cộng			505.375.062	

Biểu số 22:

Mẫu số: 02c1- DN

Công ty TNHH Tiến Đại

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Quang Trung- An Lão- Hải Phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/05	30	31/05	Giá vốn hàng hóa bán	156	505.375.062	
31/05	31	31/05	Kết chuyển giá vốn	911		505.375.062
			Cộng số phát sinh		505.375.062	505.375.062
			Số dư cuối kỳ			

2.2.2.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu là khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

Tài khoản sử dụng để phản ánh doanh thu hoạt động tài chính: TK 515

➤ Chứng từ sử dụng: Giấy báo có của Ngân hàng về số lãi tiền gửi, Bản sao kê chi tiết tài khoản của Ngân hàng gửi cho công ty ...

➤ Quy trình hạch toán:

Khi nhận được giấy báo có, bản sao kê chi tiết tài khoản của ngân hàng gửi cho công ty về khoản tiền lãi, kế toán vào Sổ chi tiết TK 515. Căn cứ vào sổ chi tiết, kế toán lập sổ các Chứng từ ghi sổ và Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ rồi vào sổ cái TK515 và sổ cái TK112 về phần tiền lãi được hưởng

NVKTPS: Ngày 26/05 công ty nhận được giấy báo có của ngân hàng về tiền lãi được nhận.số tiền 1.532.066

Từ NVKTPS trên, khi nhận được giấy báo có của ngân hàng về tiền lãi công ty được nhận, kế toán vào sổ chi tiết TK 515(Biểu số 23), bảng tổng hợp chứng từ cùng loại(Biểu số 24;25). Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại kế toán lập Chứng từ ghi sổ số 32 (Biểu số 26), Chứng từ ghi sổ số 33(Biểu số 27) và vào Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ số 32 và chứng từ ghi sổ số 3 kế toán lập sổ Cái TK 515(Biểu số 28)

Biểu số 23:

SỔ CHI TIẾT DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tài khoản:515

Từ ngày 01/05 đến ngày 31/05

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền
	NT	SH			
26/05	26/05		Lãi tiền gửi ngân hàng	112	1.532.066
			Cộng		1.532.066

Biểu số 24:

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Ghi Có TK 515

Chứng từ		Diễn giải	Tổng số tiền Ghi Có TK 515	Nợ TK 112
NT	SH			
31/05		Tiền lãi ngân hàng trả	1.532.066	1.532.066
		Cộng	1.532.066	1.532.066

Biểu số 25:

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Ghi Nợ TK 515

Chứng từ		Diễn giải	Tổng số tiền	Có TK 911
NT	SH		Ghi Nợ TK 515	
31/05		Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	1.532.066	1.532.066
		Cộng	1.532.066	1.532.066

Biểu số 26:

Mẫu số: S02a- DN

Công ty TNHH Tiên Đại

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC)

Quang Trung- An Lão- Hải Phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:32

Ngày 31 tháng 5 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Tiền lãi gửi ngân hàng	112	515	1.532.066	
Cộng			1.532.066	

Biểu số 27:

Mẫu số: S02a- DN

Công ty TNHH Tiên Đại
Quang Trung- An Lão- Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:33

Ngày 31 tháng 5 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	1.532.066	
Cộng			1.532.066	

Biểu số 28:

Mẫu số: 02c1- DN

Công ty TNHH Tiên Đại
Quang Trung- An Lão- Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/05	32	31/05	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng	112		1.532.066

31/05	33	31/05	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	1.532.066	
			Cộng số phát sinh		1.532.066	1.532.066
			Số dư cuối kỳ			

2.2.2.5 Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để ghi chép các chi phí phát sinh từ lãi vay ngân hàng chi phí chuyển tiền ngân hàng, lãi vay CBCNV

NVKTPS: Chuyển khoản trả nợ công ty TNHH Hà Khánh qua ngân hàng CPTM Quân Đội số tiền 180.040.000.

Từ NVKTPS trên, kế toán căn cứ vào giấy báo nợ ngân hàng gửi về kế toán lập Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại (Biểu số 29; 30). Căn cứ vào các bảng tổng hợp chứng từ cùng loại kế toán lập Chứng từ ghi sổ số 34 (Biểu số 31) và Chứng từ ghi sổ số 35 (Biểu số 32). Căn cứ vào các Chứng từ ghi sổ trên kế toán lập sổ Cái TK 635 (Biểu số 33)

Biểu số 29:

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Ghi Nợ TK 635

Chứng từ		Diễn giải	Tổng số tiền Ghi Nợ TK 635	Có các TK đối ứng	
NT	SH			112	...
31/05		Trả lãi tiền gửi	7.500.396	7.500.396	
31/05		Phí chuyển tiền	125.000	125.000	
		...			
		Cộng	10.050.334	8.500.000	

Biểu số 30:

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Ghi Có TK 635

Chứng từ		Diễn giải	Tổng số tiền	Nợ TK 911
NT	SH		Ghi Có TK 635	
31/05		Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	10.050.334	10.050.334
		Cộng	10.050.334	10.050.334

Biểu số 31:

Mẫu số: S02a- DN

Công ty TNHH Tiến Đại

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Quang Trung- An Lão- Hải Phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:34

Ngày 31 tháng 5 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Chi phí hoạt động tài chính bằng TGNH	635	112	8.500.000	
...				
Cộng			10.050.334	

Biểu số 32:

Mẫu số: S02a- DN

Công ty TNHH Tiến Đại
Quang Trung- An Lão- Hải Phòng

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:35

Ngày 31 tháng 5 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911	635	10.050.334	
Cộng			10.050.334	

Biểu số 33:

Mẫu số: 02c1- DN

Công ty TNHH Tiến Đại
Quang Trung- An Lão- Hải Phòng

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI**Tên tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính****Số hiệu: 635**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/05	34	31/05	Chi phí tài chính bằng TGNH	112	8.500.000	

			...			
31/05	35	31/05	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính			10.050.334
			Cộng số phát sinh		10.050.334	10.050.334
			Số dư cuối kỳ			

2.2.2.6 Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng của thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ bao gồm: chi phí chào bán, chi phí bảo quản, chi phí vận chuyển, chi phí nhân viên, chi phí dịch vụ mua ngoài, ...

Tài khoản sử dụng để phản ánh chi phí bán hàng là: TK 641

➤ Chứng từ sử dụng:

- + Hóa đơn GTGT
- + Hóa đơn bán hàng
- + Bảng chấm công và Bảng thanh toán lương. . .

➤ Sổ sách sử dụng:

- + Sổ chi tiết chi phí bán hàng
- + Chứng từ ghi sổ
- + Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ
- + Sổ Cái TK 641

NVKTPS: 08/05 Công ty mua bình ác quy lắp cho xe chạy, giá chưa thuế VAT 10% là 1.095.000, công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.

Từ NVKTPS trên, kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0043623(Biểu số 34), phiếu chi, ... kế toán lập sổ Chi tiết chi phí bán hàng(Biểu số 35), Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại(Biểu số 36; 37), căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ kế

toán cùng loại kế toán lập Chứng từ ghi sổ số 36(Biểu số 38), Chứng từ ghi sổ số 37 (Biểu số 39). Từ các Chứng từ ghi sổ kế toán lập Sổ Cái TK 641 (Biểu số 40)

Biểu số 34:

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01- GTKT- 3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			KB/2009B		
Liên 1: lưu nội bộ			0043623		
<i>Ngày 08 tháng 05 năm 2009</i>					
Đơn vị bán hàng:					
Địa chỉ:					
Số tài khoản:					
Điện thoại:MST:					
Họ và tên người mua hàng: Anh Minh					
Tên đơn vị mua hàng: Công ty TNHH Tiến Đại					
Địa chỉ: Cầu Đông- Quang Trung- An Lão- Hải Phòng					
Số tài khoản: 2631100319001					
Hình thức thanh toán: TM			MST: 0200447853		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Bình ác quy	Bình	1	1.095.000	1.095.000
Tổng tiền hàng:					1.095.000

Thuế suất thuế GTGT: 10%	Tiền thuế GTGT: 109.500	
Tổng cộng tiền thanh toán: 1.204.500		
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu hai trăm linh tư nghìn năm trăm đồng		
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Thủ trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 35:**SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ BÁN HÀNG**

Tài khoản: TK 641

Từ ngày 01/05/2009 đến ngày 31/05/2009

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKDU'	Số tiền
	Số hiệu	Ngày, tháng			
08/05	0043623	08/05	Mua bình ác quy	111	1.095.000
18/05	0036465	18/05	Thuê phương tiện vận tải	111	1.000.000
			...		
			Cộng		59.985.062

Biểu 36:**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Ghi Nợ TK 641

Chứng từ		Diễn giải	Tổng số tiền Ghi Nợ TK 641	Có các TK đối ứng		
SH	NT			111	334	...
	08/05	Mua bình ác quy	1.095.000	1.095.000		
	18/05	Thuê phương tiện vận tải	1.000.000	1.000.000		

	31/05	Tính lương trả nhân viên bán hàng			24.060.000	
		...				
		Cộng	59.985.062	10.000.000	24.060.000	

Biểu 37:**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Ghi Có TK 641

Chứng từ		Diễn giải	Tổng số tiền Ghi Có TK 641	Nợ TK đối ứng
SH	NT			911
	31/05	Kết chuyển chi phí bán hàng	59.985.062	59.985.062
		Cộng	59.985.062	59.985.062

Biểu số 38

Mẫu số: 02a- DN

Công ty TNHH Tiến Đại*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC***Quang Trung- An Lão- Hải Phòng***ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)***CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số:36

Ngày 31 tháng 5 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Chi phí bán hàng bằng TM	641	111	10.000.000	
Chi phí nhân viên bán hàng	641	334	24.060.000	

...				
Cộng			59.985.062	

Biểu số 39

Mẫu số: 02a- DN

Công ty TNHH Tiến Đại
Quang Trung- An Lão- Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:37

Ngày 31 tháng 5 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	59.985.062	
Cộng			59.985.062	

Biểu số 40

Mẫu số: 02c1- DN

Công ty TNHH Tiến Đại
Quang Trung- An Lão- Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**Tên tài khoản: Chi phí bán hàng****Số hiệu: 641**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/05	36	31/05	Chi phí bán hàng bằng TM	111	10.000.000	
31/05	36	31/05	Chi phí nhân viên bán hàng	334	24.060.000	
			...			
31/05	37	31/05	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		59.985.062
			Cộng số phát sinh		59.985.062	59.985.062
			Số dư cuối kỳ			

2.2.2.6 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là tài khoản phản ánh các chi phí quản lý chung

của doanh nghiệp gồm chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài khác(điện, nước, fax, cháy nổ...). Chi phí bằng tiền khác (chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Để hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp công ty sử dụng TK 642

➤ Chứng từ sử dụng:

- + Hóa đơn GTGT
- + Hóa đơn bán hàng
- + Bảng chấm công , tính và phân bổ tiền lương
- + Bảng thanh toán lương. . .

➤ Sổ sách sử dụng:

- + Sổ chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp
- + Chứng từ ghi sổ
- + Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ
- + Sổ Cái TK 642

NVKTPS: Tính lương phải trả nhân viên quản lý tháng 4 là 36.000.000

Căn cứ vào bảng phân bổ tiền lương, kế toán vào sổ chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp(Biểu số 40), Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại (Biểu số 41; 42), căn cứ vào các bảng tổng hợp chứng từ cùng loại kế toán lập Chứng từ ghi sổ số 38(Biểu số 43), Chứng từ ghi sổ số 39(Biểu số 44). Sau đó, kế toán căn cứ vào các Chứng từ ghi sổ lập sổ Cái TK 642(Biểu số 45)

Biểu số 40:

SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Tài khoản: TK 642

Từ ngày 01/05/2009 đến ngày 31/05/2009

Ngày, tháng ghi sổ	Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền
08/05	Cước phí điện thoại tháng 4	111	3.055.750
18/05	Mua dụng cụ văn phòng	111	1.500.000
30/05	Tính lương trả nhân viên quản lý	334	36.000.000
	...		
	Cộng		45.378.000

Biểu số 41:**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Ghi Nợ TK 642

Chứng từ		Diễn giải	Tổng số tiền Ghi Nợ TK 641	Có các TK đối ứng		
SH	NT			111	334	...
	08/05	Cước phí điện thoại tháng 4	3.055.750	3.055.750		
	18/05	Mua dụng cụ văn phòng	1.500.000	1.500.000		
	30/05	Tính lương trả nhân viên quản lý	36.000.000		36.000.000	
		...				
		Cộng	45.378.000	5.075.000	36.000.000	

Biểu số 42:**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Ghi Có TK 642

Chứng từ	Diễn giải	Tổng số tiền	Nợ TK đối
----------	-----------	--------------	-----------

			Ghi Có TK 641	ứng
SH	NT			911
	31/05	Kết chuyển chi phí quản lý	45.378.000	45.378.000
		Cộng	45.378.000	45.378.000

Biểu số 43:

Mẫu số: S02a- DN

Công ty TNHH Tiến Đại

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Quang Trung- An Lão- Hải Phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:38

Ngày 31 tháng 5 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Chi phí quản lý bằng TM	642	111	5.075.000	
Tính lương trả nhân viên quản lý	642	334	36.000.000	
...				
Cộng			45.378.000	

Biểu số 44:

Mẫu số: S02a- DN

Công ty TNHH Tiến Đại

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Quang Trung- An Lão- Hải Phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:39

Ngày 31 tháng 5 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	45.378.000	
Cộng			45.378.000	

Biểu số 44:

Mẫu số: 02c1- DN

Công ty TNHH Tiến Đại
Quang Trung- An Lão- Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp****Số hiệu: 642**

Ngày, tháng	Chứng từ ghi số	Diễn giải	Số hiệu TK đối	Số tiền
----------------	--------------------	-----------	-------------------	---------

ghi số	Số hiệu	Ngày, tháng		ứng	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/05	38	31/05	Chi tiền tiếp khách	111	300.000	
31/05	38	31/05	Tính lương trả nhân viên quản lý	334	36.000.000	
			...			
31/05	39	31/05	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp			45.378.000
			Cộng số phát sinh		45.378.000	45.378.000
			Số dư cuối kỳ			

2.2.2.8 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

+Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính.

+Tài khoản để công ty sử dụng : TK 821-‘ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp’

Từ các NVKTPS trên xác định được chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là 7.684652. Kế toán lập Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại(Biểu số 45; 46).Căn cứ vào Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại kế toán lập Chứng từ ghi số số 40(Biểu số 47), Chứng từ ghi số số 41(Biểu số 48).Kế toán căn cứ vào các Chứng từ ghi số lập Sổ Cái TK 821(Biểu số 49)

Biểu số 45:

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Ghi Nợ TK 821

Chứng từ		Diễn giải	Tổng số tiền	Có TK đối ứng
SH	NT		Ghi Nợ TK 821	3334
	31/05	Xác định thuế TNDN	7.684652	7.684652
		Cộng	7.684652	7.684652

Biểu số 46:**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Ghi Có TK 821

Chứng từ		Diễn giải	Tổng số tiền	Nợ TK đối ứng
SH	NT		Ghi có TK 821	3334
	31/05	Kết chuyển thuế TNDN	7.684652	7.684652
		Cộng	7.684652	7.684652

Biểu số 47:

Mẫu số: S02a- DN

Công ty TNHH Tiến Đại

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Quang Trung- An Lão- Hải Phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:40

Ngày 31 tháng 5 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp	821	3334	7.684652	

Cộng			7.684652	
-------------	--	--	-----------------	--

Biểu số 48:

Mẫu số: S02a- DN

**Công ty TNHH Tiến Đại
Quang Trung- An Lão- Hải Phòng**

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:41

Ngày 31 tháng 5 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
	911	821	7.684652	
Cộng			7.684652	

Biểu số 49:

Mẫu số: S02a- DN

**Công ty TNHH Tiến Đại
Quang Trung- An Lão- Hải Phòng**

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có

			Số dư đầu kỳ			
31/05	40	31/05	Xác định thuế TNDN phải nộp	3334	7.684652	
31/05	41	31/05	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		7.684652
			Cộng số phát sinh		7.684652	7.684652
			Số dư cuối kỳ			

2.2.2.9 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất năm của doanh nghiệp gồm:

- + Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- + Kết quả hoạt động tài chính
- + Kết quả hoạt động khác

Tài khoản công ty sử dụng để phản ánh xác định kết quả kinh doanh là: TK 911 và TK 421

➤ Sổ sách sử dụng:

- + Các chứng từ ghi sổ
- + Sổ Cái TK 511, 632, 515, 635, 641... .

➤ Trình tự hạch toán:

Cuối kỳ kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển:

- + Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu
- + Kết chuyển doanh thu thuần
- + Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính
- + Kết chuyển thu nhập khác
- + Kết chuyển giá vốn hàng bán
- + Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính
- + Kết chuyển chi phí bán hàng

- + Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp
- + Kết chuyển chi phí khác

Nếu lãi doanh nghiệp thực hiện:

- + Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp
- + Kết chuyển lãi

Nếu lỗ: Kết chuyển lỗ

Từ các NVKTPS trên, căn cứ vào các chứng từ ghi sổ và sổ cái các tài khoản và Chứng từ ghi sổ số 42(Biểu số 50), kế toán lập Sổ Cái TK 911(Biểu số 51), Sổ Cái TK 421(Biểu số 52).

Biểu số 50:

**Công ty TNHH Tiến Đại
Quang Trung- An Lão- Hải Phòng**

Mẫu số: S02a- DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 42

Ngày 31 tháng 5 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển chuyển lãi	911	421	23.053.956	
Cộng			23.053.956	

Biểu số 53:

**Công ty TNHH Tiến Đại
Quang Trung- An Lão- Hải Phòng**

Mẫu số: S02a- DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Ghi chú
Số hiệu	Ngày, tháng		
5	31/05	154.509.000	
6	31/05	140.057.000	
30	31/05	652.400.000	
31	31/05	505.375.062	
...			
Cộng		15.321.799.305	

Biểu số 51:

Mẫu số: 02c1- DN

Công ty TNHH Tiến Đại*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC***Quang Trung- An Lão- Hải Phòng***ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CÁI****Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh****Số hiệu: 911**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/05	29	31/05	Kết chuyển doanh thu thuần	511		650.000.000
31/05	33	31/05	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		1.532.066
31/05	31	31/05	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	505.375.062	
31/05	35	31/05	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	635	10.055.334	

31/05	37	31/05	Kết chuyển chi phí bán hàng	641	59.985.062	
31/05	39	31/05	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	45.378.000	
31/05	41	31/05	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	7.684.652	
31/05	42	31/05	Kết chuyển lãi	421	23.053.956	
			Cộng số phát sinh		651.532.066	651.532.066
			Số dư cuối kỳ			

Biểu số 52:

Mẫu số: 02c1- DN

Công ty TNHH Tiến Đại
Quang Trung- An Lão- Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối****Số hiệu: 421**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			22.037.000
31/05	42	31/05	Kết chuyển lãi	911		23.053.956
			Cộng số phát sinh			23.053.956
			Số dư cuối kỳ			45.090.956

CHƯƠNG 3:**MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ
TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY TNHH TIẾN ĐẠI.****3.1 Một số ý kiến nhận xét về công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tiến Đại.*****3.1.1. Một số ưu điểm trong việc tổ chức hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tiến Đại***

Một doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển trong điều kiện cạnh tranh của nền kinh tế thị trường phải biết quan tâm đến công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp. Hạch toán kế toán với bản chất là hệ thống thông tin và kiểm tra tình hình biến động tài sản của doanh nghiệp với chức năng thu thập xử lý, cung cấp thông tin cho đối tượng quan tâm đặc biệt là các nhà quản lý doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập ở Công ty TNHH Tiến Đại em thấy công tác kế toán nói chung và hạch toán nghiệp vụ nói riêng được tổ chức tương đối phù hợp với điều kiện thực tế của công ty trong giai đoạn hiện nay.

Cụ thể:

+ Về bộ máy kế toán: Xuất phát từ đặc điểm tổ chức kinh doanh, công ty lựa chọn mô hình tổ chức công tác kế toán tập trung. Với mô hình này, mọi công việc chủ yếu của kế toán đều được thực hiện trong phòng kế toán tạo điều kiện cho ban lãnh đạo doanh nghiệp nắm bắt kịp thời toàn bộ thông tin về hoạt động kinh tế của doanh nghiệp, từ đó thực hiện sự kiểm tra và chỉ đạo sát sao các hoạt động của toàn doanh nghiệp. Công tác kế toán của công ty, được tổ chức có kế hoạch, sắp xếp và

bố trí cán bộ, nhân viên kế toán phù hợp chặt chẽ giữa các thành viên với nhau, đảm bảo tính thống nhất về phạm vi và phương pháp tính toán, ghi chép. Do đó mọi công việc đều được hoàn thành kịp thời theo sự chỉ đạo của kế toán trưởng.

+ Về hình thức ghi sổ: Công ty áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Khi áp dụng hình thức này tạo điều kiện cho kế toán ghi chép công việc được rõ ràng, dễ hiểu tránh sai sót và trùng lặp không cần thiết. Hệ thống chứng từ mà công ty sử dụng phục vụ cho công tác hạch toán ban đầu tương đối hoàn thiện. Các chứng từ sử dụng để phù hợp với yêu cầu kinh tế pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, phù hợp cả về số lượng, nguyên tắc ghi chép cũng như yêu cầu của công tác quản lý chứng từ. Quá trình luân chuyển chứng từ tạo điều kiện cho kế toán phản ánh kịp thời tình hình tiêu thụ hàng hóa của công ty.

+ Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để kê khai hàng tồn kho. Phương pháp này đảm bảo cung cấp thông tin chính xác về tình hình biến động tài sản trong doanh nghiệp

3.1.2 Một số tồn tại cần khắc phục

Bên cạnh những ưu điểm nổi bật trên, công tác kế toán nghiệp vụ liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh còn tồn tại một số hạn chế đòi hỏi phải đưa ra những biện pháp cụ thể có tính thực thi cao nhằm khắc phục và hoàn thiện tốt hơn nữa. Do vậy sẽ giúp kế toán thực hiện tốt hơn chức năng và nhiệm vụ vốn có của mình, phục vụ cho yêu cầu quản lý trong điều kiện hiện nay.

+ Tồn tại 1: Công ty chưa sử dụng tài khoản giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Khi phát sinh các khoản giảm trừ cho khách hàng, kế toán công ty lại phản ánh vào TK 641 và coi như đó là một khoản chi phí bán hàng. Hạch toán như vậy là

chưa hợp lý, không đúng với qui định hiện hành từ đó gây khó khăn cho công tác theo dõi, phân tích và quản lý chi phí chưa hoàn thành nhiệm vụ của kế toán là phản ánh đúng nội dung kinh tế của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

+ Tồn tại 2: Việc phân bổ chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ chưa được dựa trên tiêu thức phân bổ khoa học nào đó. Từ đó dẫn đến hạn chế tính chính xác của việc tính toán kết quả kinh doanh.

+ Tồn tại 3: Về phương thức thanh toán, hiện nay các khách hàng của công ty đa số đều thanh toán theo phương thức trả chậm(thanh toán sau 10 đến 15 ngày hoặc 1 tháng). Điều này dẫn đến công ty bị chiếm dụng vốn hợp pháp. Chi nhánh công ty phải trả lãi tiền vay ngân hàng và các đối tượng khác. Do khách hàng chiếm dụng vốn của công ty không phải trả phần tiền lãi vay này dẫn đến lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của công ty bị giảm đi.

+ Tồn tại 4: Quy trình lập chứng từ ghi sổ không phù hợp(Cuối tháng doanh nghiệp lập Chứng từ ghi sổ)

3.1.3 Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh

+ Ý kiến 1: Cần phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho hàng tồn kho. Theo chế độ kế toán hiện hành quy định thì số lượng hàng tồn kho giữa các kỳ có số lượng biến động lớn, liên quan đến những hàng tồn kho, các khoản chi phí phát sinh lớn cần phải được phân bổ cho lượng hàng tồn kho và hàng bán ra nhằm đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi so sánh giữa thu nhập và chi phí kinh doanh để xác định chính xác kết quả kinh doanh trong kỳ.

+ Ý kiến 2: Công ty cần sử dụng đúng tài khoản phản ánh khoản giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

+ Ý kiến 3: Trong cơ chế thị trường hiện nay, vốn là một vấn đề hết sức quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp. Các doanh nghiệp đều quan tâm đến việc bảo toàn vốn, quay vòng vốn nhanh để sử dụng tối đa hiệu quả của đồng vốn. Đối với công ty TNHH Tiến Đại số vốn vay chiếm tới 60% vốn kinh doanh, hàng năm công ty phải trả lãi tương đối lớn do đó dẫn đến chi phí tăng lên đáng kể. Công ty cần đẩy mạnh công tác thu hồi nhanh số tiền nợ. Đối với khách hàng gần đến hạn phải trả tiền, công ty nên gửi giấy báo yêu cầu trả tiền trước khi đến hạn 2 đến 3 ngày để nhắc nhở khách hàng thanh toán đúng hạn hoặc có thể gửi thông báo yêu cầu thanh toán tiền lãi suất tiền vay trên số tiền trả chậm quá hạn trả theo lãi suất quá hạn do ngân hàng quy định(điều này ghi rõ trong hợp đồng kinh tế)

+ Ý kiến 4: Tiến tới sử dụng kế toán máy trong công tác kế toán. Trong nền kinh tế thị trường, với sự bùng nổ thông tin, có cả các thông tin và các “ tạp tin” thì quá trình xử lý thông tin càng trở nên chính xác do phải xử lý một khối lượng thông tin khổng lồ. Với yêu cầu xử lý rất nhanh, chính xác. Hơn thế nữa yêu cầu quản lý đặt ra cho công tác kế toán phải cung cấp thông tin đã được xử lý tinh vi, đầy đủ, kịp thời. Điều đó làm tăng hiệu quả của công tác kế toán. Ta biết, sản xuất càng phát triển, công nghệ càng cao thì càng nhiều chủng loại sản phẩm được sản xuất nên việc quản lý trở nên khó khăn. Chính vì vậy phải cần có sự trợ giúp của máy tính điện tử(chủ yếu là máy vi tính) như là một công cụ bức bách. Vì máy vi tính với tư cách là một công cụ trợ giúp hữu hiệu trong việc thu nhận và xử lý cung cấp các thông tin. Từ đó giúp doanh nghiệp nhanh chóng có được các thông tin cần thiết đặc biệt là thông tin về tình hình tiêu thụ sản phẩm và xác định kết quả kinh doanh. Việc này đòi hỏi công ty phải có một sự nghiên cứu đầu tư lớn nhưng nó

đem lại hiệu quả rất lớn.

NHẬN XÉT

Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh đóng một vai trò quan trọng trong phòng kế toán nói riêng và cả công ty nói chung. Song đây là một vấn đề rộng rãi và được nhiều nhà phân tích quan tâm nên ở mỗi giai đoạn và góc độ khác nhau, tầm quan trọng của nó lại được đánh giá ở nhiều mức khác nhau.

Trong khuôn khổ bài luận văn, với kiến thức đã được học trong nhà trường kết hợp với thời gian thực tế đã thực tập tại công ty TNHH Tiến Đại. Đồng thời với sự giúp đỡ tận tình của thầy giáo Phạm Đức Tuyên cũng như ban lãnh đạo công ty, đặc biệt phòng kế toán của công ty TNHH Tiến Đại. Với sự nhìn nhận còn nhiều

hạn chế, em đã hiểu và phân tích tình hình công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của công ty trong kỳ hạch toán, từ đó mạnh dạn đề xuất một số ý kiến và giải pháp mong rằng đóng góp một phần nào đó nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh ở công ty TNHH Tiến Đại.

Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp, chỉ bảo của các cô, chú ban lãnh đạo và phòng kế toán trong công ty cũng như các thầy, cô giáo để bài luận văn được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của ban lãnh đạo công ty, phòng kế toán và thầy Lưu Đức Tuyên hướng dẫn, chỉ bảo em hoàn thành bài luận văn.